

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

# **ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH  
THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH  
DOANH NHẪM TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ CHI  
PHÍ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH  
NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT HOÀNG GIA**

**Chủ nhiệm đề tài: Nguyễn Thị Vân Anh**

HẢI PHÒNG, 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN  
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ  
KINH DOANH NHẪM TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ  
CHI PHÍ KINH DOANH TẠI CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI  
VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HOÀNG GIA**

CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Chủ nhiệm đề tài: Nguyễn Thị Vân Anh**

HẢI PHÒNG, 2013

# MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1: HỆ THỐNG HOÁ CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP. ....	4
1.1. MỘT VÀI NÉT VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	4
1.1.1. Doanh thu. ....	4
1.1.1.1. Khái niệm.....	4
1.1.1.2. Các loại doanh thu. ....	4
1.1.1.3. Nguyên tắc xác định doanh thu.....	6
1.1.1.4. Các khoản giảm trừ doanh thu.....	7
1.1.2. Chi phí.....	8
1.1.2.1. Khái niệm.....	8
1.1.2.3. Nguyên tắc xác định chi phí. ....	10
1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	10
1.1.3.1. Khái niệm.....	10
1.1.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh.....	10
1.2. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH. ....	11
1.2.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ....	11
1.2.2. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ....	13
1.2.2.1. Vai trò. ....	13
1.2.2.2. Nhiệm vụ. ....	13

<b>1.3. NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH .</b> .....	<b>14</b>
<i>1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.</i> .....	<b>14</b>
<i>1.3.1.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.</i> .....	<b>14</b>
<i>1.3.1.2. Tài khoản sử dụng:</i> .....	<b>14</b>
<i>1.3.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.</i> .....	<b>20</b>
<i>1.3.2.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.</i> .....	<b>20</b>
<i>1.3.2.2. Tài khoản sử dụng.</i> .....	<b>20</b>
<i>1.3.2.3. Quy trình hạch toán.</i> .....	<b>22</b>
<i>1.3.3. Kế toán giá vốn hàng bán.</i> .....	<b>23</b>
<i>1.3.3.1. Các phương pháp xác định giá vốn.</i> .....	<b>23</b>
<i>1.3.3.2. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.</i> .....	<b>25</b>
<i>1.3.3.3. Tài khoản sử dụng.</i> .....	<b>25</b>
<i>1.3.3.4. Quy trình hạch toán.</i> .....	<b>26</b>
<i>1.3.4. Kế toán chi phí bán hàng.</i> .....	<b>27</b>
<i>1.3.4.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.</i> .....	<b>28</b>
<i>1.3.4.2. Tài khoản kế toán sử dụng.</i> .....	<b>28</b>
<i>1.3.4.3. Quy trình hạch toán.</i> .....	<b>28</b>
<i>1.3.5. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.</i> .....	<b>29</b>
<i>1.3.5.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.</i> .....	<b>29</b>
<i>1.3.5.2. Tài khoản sử dụng.</i> .....	<b>30</b>
<i>1.3.5.3. Quy trình hạch toán.</i> .....	<b>30</b>
<i>1.3.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.</i> .....	<b>31</b>
<i>1.3.6.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.</i> .....	<b>31</b>
<i>1.3.6.2. Tài khoản sử dụng.</i> .....	<b>31</b>
<i>1.3.6.3. Quy trình hạch toán.</i> .....	<b>32</b>
<i>1.3.7. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.</i> .....	<b>34</b>
<i>1.3.7.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.</i> .....	<b>34</b>

<i>1.3.7.2. Tài khoản sử dụng.</i> .....	34
<i>1.3.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.</i> .....	37
<i>1.3.8.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng</i> .....	37
<i>1.3.8.3. Quy trình hạch toán.</i> .....	40
<b>1.4. TỔ CHỨC SỔ SÁCH KẾ TOÁN DOANH THU.</b> .....	42
<i>1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.</i> .....	42
<i>1.4.2. Hình thức kế toán Chứng Từ - Ghi Sổ.</i> .....	43
<i>1.4.3. Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ Cái</i> .....	44
<i>1.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ</i> .....	45
<i>1.4.4. Hình thức kế toán máy vi tính.</i> .....	46
<b>CHƯƠNG 2: MÔ TẢ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HOÀNG GIA.</b> .....	48
<b>2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH TM VÀ DVKT HOÀNG GIA.</b> .....	48
<i>2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.</i> .....	48
<i>2.1.2. Đặc điểm tổ chức kinh doanh của công ty.</i> .....	48
<i>2.1.2.1. Lĩnh vực hoạt động của công ty</i> .....	48
<i>2.1.2.2. Những kết quả đạt được trong 3 năm qua</i> .....	49
<i>2.1.2.3. Thuận lợi và khó khăn.</i> .....	49
<i>2.1.2.4. Đặc điểm tổ chức quản lý của công ty.</i> .....	50
<i>2.1.2.5. Đặc điểm tổ chức kế toán.</i> .....	51
<b>2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI TNHH TM VÀ DVKT HOÀNG GIA.</b> .....	52
<i>2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.</i> .....	52
<i>2.2.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng.</i> .....	53
<i>2.2.1.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.</i> .....	53

2.2.1.3. Quy trình hạch toán. ....	54
2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu. ....	68
2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán. ....	68
2.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng. ....	68
2.2.3.2. Tài khoản và sổ sách sử dụng. ....	68
2.2.3.3. Quy trình hạch toán. ....	69
<b>2.2.4. KẾ TOÁN CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP. ...</b>	<b>74</b>
2.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng. ....	75
2.2.4.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng. ....	75
2.2.4.3. Quy trình hạch toán. ....	76
2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính. ....	84
2.2.5.1. Chứng từ kế toán sử dụng. ....	84
2.2.5.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng. ....	84
2.2.5.3. Quy trình hạch toán. ....	84
<b>2.2.6. KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH. ....</b>	<b>89</b>
2.2.6.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh. ....	89
2.2.6.2. Chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán sử dụng. ....	91
<b>CHƯƠNG 3: ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN</b>	
<b>DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH</b>	
<b>NHẪM TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ CHI PHÍ KINH DOANH TẠI CÔNG</b>	
<b>TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ</b>	
<b>THUẬT HOÀNG GIA. ....</b>	<b>100</b>
<b>3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI</b>	
<b>PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH</b>	
<b>TM VÀ DVKT HOÀNG GIA. ....</b>	<b>100</b>
3.1.1. Ưu điểm. ....	100
3.1.1.1. Về tổ chức kế toán. ....	100
3.1.1.2. Về hình thức kế toán. ....	101

<i>3.1.1.3. Về hệ thống sổ, chứng từ kế toán.</i> .....	101
<i>3.1.1.4. Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.</i> .....	101
<i>3.1.2. Tồn tại cần khắc phục.</i> .....	102
<i>3.1.2.1. Về việc hạch toán doanh thu, chi phí</i> .....	102
<i>3.1.2.2. Về việc áp dụng chính sách ưu đãi.</i> .....	103
<i>3.1.2.3. Về việc tổ chức hệ thống sổ kế toán.</i> .....	103
<i>3.1.2.4. Về việc quản lý quỹ tiền mặt.</i> .....	103
<b>3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HOÀNG GIA</b> .....	103
<i>3.2.1. Tính cấp thiết của việc hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia.</i> .....	104
<i>3.2.2. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh tại Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia.</i> .....	104
<i>3.2.2.1. Về việc hạch toán doanh thu, chi phí.</i> .....	104
<i>3.2.2.2. Về việc áp dụng chính sách ưu đãi.</i> .....	110
<i>3.2.2.3. Về việc tổ chức hệ thống sổ kế toán.</i> .....	110
<i>3.2.2.4. Về việc quản lý quỹ tiền mặt.</i> .....	118
<b>KẾT LUẬN</b> .....	119

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

<b>Biểu số 1: Phiếu xuất kho số 07/12.....</b>	<b>57</b>
<b>Biểu số 2: Hoá đơn giá trị gia tăng số 0001318.....</b>	<b>58</b>
<b>Biểu số 3: Phiếu thu số 05/12.....</b>	<b>59</b>
<b>Biểu số 4: Phiếu xuất kho số 13/12.....</b>	<b>60</b>
<b>Biểu số 5: Hoá đơn GTGT số 0001323 .....</b>	<b>61</b>
<b>Biểu số 6: Phiếu thu số 08/12.....</b>	<b>62</b>
<b>Biểu số 7: Trích Bảng kê bán hàng.....</b>	<b>63</b>
<b>Biểu số 8: Trích Sổ Nhật ký chung. ....</b>	<b>64</b>
<b>Biểu số 9: Trích Sổ Cái tài khoản 511. ....</b>	<b>65</b>
<b>Biểu số 10: Trích Sổ Cái tài khoản 111. ....</b>	<b>66</b>
<b>Biểu số 11: Trích Sổ Cái tài khoản 3331. ....</b>	<b>67</b>
<b>Biểu số 12: Phiếu xuất kho số 07/12.....</b>	<b>71</b>
<b>Biểu số 13: Phiếu xuất kho số 10/12.....</b>	<b>72</b>
<b>Biểu số 14: Trích Sổ Nhật ký chung .....</b>	<b>73</b>
<b>Biểu số 15: Trích Sổ Cái tài khoản 632. ....</b>	<b>74</b>
<b>Biểu số 16: Hoá đơn GTGT số 0001821. ....</b>	<b>78</b>
<b>Biểu số 17: Phiếu chi số 08/12.....</b>	<b>79</b>
<b>Biểu số 18: Hoá đơn dịch vụ viễn thông.....</b>	<b>80</b>
<b>Biểu số 19: Phiếu chi số 13/12.....</b>	<b>81</b>
<b>Biểu số 20: Trích Sổ Nhật ký chung. ....</b>	<b>82</b>
<b>Biểu số 21: Trích Sổ Cái tài khoản 642. ....</b>	<b>83</b>
<b>Biểu số 22: Giấy báo Có số 000562 .....</b>	<b>86</b>
<b>Biểu số 23: Trích sổ tiền gửi ngân hàng. ....</b>	<b>87</b>
<b>Biểu số 24: Trích Sổ Nhật ký chung. ....</b>	<b>88</b>
<b>Biểu số 25: Trích Sổ Cái TK 515.....</b>	<b>89</b>
<b>Biểu số 26: Phiếu kế toán số 04/12 .....</b>	<b>92</b>
<b>Biểu số 27: Phiếu kế toán số 05/12.....</b>	<b>92</b>



<b>Biểu số 28: Phiếu kế toán số 06/12.....</b>	<b>93</b>
<b>Biểu số 29: Phiếu kế toán số 07/12.....</b>	<b>93</b>
<b>Biểu số 30: Phiếu kế toán số 08/12.....</b>	<b>94</b>
<b>Biểu số 31: Trích Sổ Nhật ký chung.....</b>	<b>95</b>
<b>Biểu số 32: Trích Sổ Cái tài khoản 911.....</b>	<b>96</b>
<b>Biểu số 33: Trích Sổ Cái tài khoản 821.....</b>	<b>97</b>
<b>Biểu số 34: Trích Sổ Cái tài khoản 421.....</b>	<b>98</b>
<b>Biểu số 35: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2012.....</b>	<b>99</b>
<b>Biểu số 36: Bảng phân tích doanh thu, chi phí, tổng lợi nhuận trước thuế qua các năm 2010- 2012.....</b>	<b>105</b>
<b>Biểu số 37: Bảng phân tích kết quả kinh doanh qua các năm 2010- 2012.....</b>	<b>107</b>
<b>Biểu số 38: Sổ chi tiết doanh thu.....</b>	<b>114</b>
<b>Biểu số 39: Sổ chi tiết doanh thu.....</b>	<b>115</b>
<b>Biểu số 40: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán lĩnh vực thương mại.....</b>	<b>116</b>
<b>Biểu số 41: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán lĩnh vực dịch vụ.....</b>	<b>117</b>

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 01: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ) .....	16
Sơ đồ 02: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp).....	17
Sơ đồ 03: Kế toán bán hàng thông qua đại lý.....	17
Sơ đồ 04: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp.....	19
Sơ đồ 05: Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ .....	20
Sơ đồ 06: Kế toán chiết khấu thương mại .....	22
Sơ đồ 08: Kế toán hàng bán bị trả lại.....	22
Sơ đồ 09: Kế toán giá vốn hàng bán.....	26
Sơ đồ 10: Kế toán chi phí bán hàng.....	28
Sơ đồ 11: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp. ....	30
Sơ đồ 12: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	32
Sơ đồ 13: Kế toán chi phí hoạt động tài chính. ....	32
Sơ đồ 14: Kế toán thu nhập khác.....	36
Sơ đồ 15: Kế toán chi phí khác. ....	37
Sơ đồ 16: Kế toán xác định kết quả kinh doanh. ....	41
Sơ đồ 17: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. ....	42
Sơ đồ 18: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung. ....	42
Sơ đồ 19: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng Từ - Ghi Sổ.....	44
Sơ đồ 20: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký- Sổ Cái. ....	45
Sơ đồ 21: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chứng từ.....	46
Sơ đồ 22: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy.....	47
Sơ đồ 23: Cơ cấu tổ chức của công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia. ...	50
Sơ đồ 24: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....	51

<b>Sơ đồ 25: Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....</b>	<b>54</b>
---	-----------

# LỜI MỞ ĐẦU

Bất cứ một doanh nghiệp nào khi kinh doanh cũng mong muốn lợi nhuận đạt được là tối đa, mà muốn có được lợi nhuận thì doanh nghiệp phải có được một mức doanh thu và chi phí hợp lí, phần lớn trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thì doanh thu đạt được chủ yếu do quá trình tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm.

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới đã có tác động không nhỏ tới nền kinh tế Việt Nam, các doanh nghiệp phá sản hoặc thu hẹp sản xuất đã làm mất đi một bộ phận khách hàng hiện tại và tiềm năng của công ty gây ảnh hưởng không nhỏ tới việc tiêu thụ hàng hoá của Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia, dẫn tới hàng tồn kho lớn, vòng quay hàng tồn kho chậm.

Việc hạch toán doanh thu, chi phí ở Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia còn một số hạn chế.

Qua thời gia thực tập tại công ty TNHH TM & DVKT Hoàng Gia, kết hợp với những kiến thức có được trên giảng đường, những hiểu biết về các nghiệp vụ kinh tế cùng với việc đi sâu nghiên cứu trong quá trình thực tập em đã chọn đề tài: ***“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh tại công ty TNHH TM & DVKT Hoàng Gia”*** cho đề tài khoa học của mình.

Thông qua kết quả nghiên cứu này, em hi vọng sẽ góp phần giúp công ty hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh từ đó tăng cường quản lý chi phí cho công ty.

## ❖ Mục đích nghiên cứu:

- Về mặt lý luận: Hệ thống hoá cơ sở lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

- Về mặt thực tiễn: Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia.
- Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh tại công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia.

❖ **Phạm vi nghiên cứu:**

- Về thời gian: từ ngày: 1/4/2013 -15/7/2013
- Về không gian: Tại công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia.
- Số liệu được phân tích: Là số liệu năm 2012.

❖ **Phương pháp nghiên cứu:**

- Phương pháp trực quan
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu kế thừa thành tựu
- Phương pháp phân tích, tổng hợp
- Các phương pháp kế toán

❖ **Đóng góp của đề tài:**

- Đóng góp về mặt khoa học, phục vụ công tác đào tạo:  
Làm tài liệu tham khảo cho sinh viên khối ngành kinh tế nói chung và ngành kế toán kiểm toán trường Đại học Dân lập Hải Phòng

- Những đóng góp liên quan đến phát triển kinh tế:

Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ giúp Ban lãnh đạo công ty Hoàng Gia thấy rõ được thực trạng hoạt động kinh doanh của công ty, có những quyết định tối ưu, biện pháp nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh, đẩy mạnh tiêu thụ hàng hoá, góp phần đưa công ty ngày một phát triển.

- Những đóng góp khác:

Giúp cho bạn đọc, các đối tượng có mối quan hệ với doanh nghiệp, cần thông tin về doanh nghiệp (thông tin kế toán, tài chính) hiểu được một phần nào đó về doanh nghiệp, hiểu về công tác kế toán, chuyên đề cũng là một cơ hội cho các bạn sinh viên khóa sau tham khảo, cùng kết hợp phân tích, nhận định và phát triển sâu hơn nữa vấn đề nếu có cơ hội được thực tập tại công ty.

❖ **Nội dung, kết cấu của đề tài.**

**Chương 1:** Hệ thống hoá cơ sở lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

**Chương 2:** Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia.

**Chương 3:** Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh tại công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia.

# **CHƯƠNG 1: HỆ THỐNG HOÁ CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.**

## **1.1. MỘT VÀI NÉT VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.**

### ***1.1.1. Doanh thu.***

#### ***1.1.1.1. Khái niệm.***

Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán hoặc sẽ thu được, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh (SXKD) thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu.

#### ***1.1.1.2. Các loại doanh thu.***

- ❖ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu ngoài giá bán (nếu có).

***Bán hàng:*** Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán hàng hoá do doanh nghiệp mua vào.

***Cung cấp dịch vụ:*** Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một hoặc nhiều kỳ kế toán.

***Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia.***

***Các khoản thu nhập khác.***

***Điều kiện ghi nhận doanh thu.***

Theo chuẩn mực kế toán số 14: “doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định 149/2001/QĐ – BTC ban hành ngày 31/12/2001.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 5 điều kiện sau:
  - Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
  - Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
  - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
  - Xác định được chi phí liên quan đến việc bán hàng.
  
- Doanh thu cung cấp dịch vụ là giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn cả 4 điều kiện sau:
  - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
  - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
  - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
  
- ❖ **Doanh thu nội bộ:** Là số doanh thu bán hàng nội bộ trong một kỳ kế toán của khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.
  
- ❖ **Doanh thu hoạt động tài chính:** Là số tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:



- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
  - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- ❖ **Thu nhập khác:** Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu gồm: thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; các khoản thu khác...

#### *1.1.1.3. Nguyên tắc xác định doanh thu.*

- ❖ Doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.
- ❖ Giá trị hợp lý: Là giá trị tài sản có thể trao đổi hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.
- ❖ Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện ghi nhận cho doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính được quy định tại chuẩn mực “Doanh thu và thu nhập khác” ;nếu không thoả mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu thì không hạch toán vào doanh thu.
- ❖ Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và theo năm tài chính.
- ❖ Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có thuế GTGT.
- ❖ Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT, hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có thuế GTGT).

- ❖ Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm cả thuế TTĐB và thuế xuất khẩu).
- ❖ Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.
- ❖ Với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì doanh thu là phần hoa hồng mà doanh nghiệp được hưởng.
- ❖ Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh thu bán hàng là giá bán trả tiền ngay, và doanh thu chưa thực hiện là phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

#### *1.1.1.4. Các khoản giảm trừ doanh thu.*

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản phát sinh làm giảm doanh thu trong kỳ, bao gồm:

- ❖ **Chiết khấu thương mại:** Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn.
- ❖ **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
- ❖ **Hàng bán bị trả lại:** Là giá trị các loại hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.
- ❖ **Thuế xuất khẩu:** Được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc uỷ thác xuất khẩu phải nộp thuế này.

❖ **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** Được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu những mặt hàng, dịch vụ mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất, tiêu dùng như hàng xa xỉ, rượu, bia, thuốc lá,...

❖ **Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:** Được tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng, Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã xác định trong kỳ.

➔ **Doanh thu thuần:** là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm trừ doanh thu.

### **1.1.2. Chi phí.**

#### **1.1.2.1. Khái niệm.**

Theo chuẩn mực kế toán số 01: “Chuẩn mực chung” ban hành và công bố theo quyết định 165/2002/QĐ – BTC ban hành ngày 31/12/2002:

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức chi tiền ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm các khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

#### **1.1.2.2. Các loại chi phí.**

❖ **Giá vốn hàng bán:** Là trị giá hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ.

- Đối với hàng hoá, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm hay chi phí sản xuất.
- Đối với hàng hoá tiêu thụ giá vốn hàng bán bao gồm trị giá mua hàng của hàng đã tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

❖ **Chi phí bán hàng:** Là các chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bao gồm:

- Chi phí lương nhân viên bán hàng.
- Chi phí vật liệu, bao bì.
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng trong bán hàng.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- Chi phí bảo hành sản phẩm.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- Chi phí khác bằng tiền khác.

❖ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp, bao gồm:

- Chi phí lương nhân viên quản lý.
- Chi phí vật liệu quản lý.
- Chi phí đồ dùng văn phòng.
- Chi phí khấu hao tài sản.
- Thuế, phí, lệ phí.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- Chi phí khác bằng tiền.

❖ **Chi phí hoạt động tài chính:** Là các khoản chi phí liên quan đến hoạt động tài chính, bao gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn.
- Chi phí chênh lệch tỷ giá hối đoái.
- Chi phí chiết khấu thanh toán...

❖ **Chi phí khác:** Là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường, bao gồm:

- Giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý, nhượng bán

- Chi phí liên quan đến thanh lý, nhượng bán tài sản.
  - Chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản cố định khi đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty con, công ty liên kết.
  - Chi cho tài trợ, biếu tặng, viện trợ...
- ❖ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính.

Phương pháp để tính thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế \* Thuế suất thuế TNDN

### *1.1.2.3. Nguyên tắc xác định chi phí.*

Mỗi doanh nghiệp, mỗi đơn vị kế toán chỉ có thể áp dụng một trong hai phương pháp: kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho, và phải áp dụng trong ít nhất một kỳ kế toán.

Đối với doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ: cuối kỳ kế toán phải tiến hành kiểm kê để xác định giá trị thành phẩm, hàng hoá, nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ. Trên cơ sở kết quả kiểm kê xác định giá trị hàng tồn kho đầu kỳ, cuối kỳ và giá trị vật tư hàng hoá mua vào trong kỳ để xác định giá trị vật tư, hàng hoá xuất sử dụng trong quá trình sản xuất, kinh doanh và giá vốn của hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ đã xuất bán trong kỳ.

### *1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh.*

#### *1.1.3.1. Khái niệm.*

Xác định kết quả kinh doanh là chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

#### *1.1.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh.*

- ❖ **Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh:** Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán và chi phí hoạt động kinh doanh.
- ❖ **Kết quả hoạt động tài chính:** Là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- ❖ **Kết quả hoạt động khác:** Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

Số tiền lãi (lỗ) được phân phối như sau:

Nếu lỗ sẽ trừ vào lợi nhuận sau thuế của năm tài chính tiếp theo.

Nếu lãi sẽ được doanh nghiệp phân phối theo trình tự:

- Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Nộp tiền thu về sử dụng vốn ngân sách nhà nước.
- Trừ các khoản chi thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý hợp lệ, các khoản lỗ năm trước chuyển sang.
- Trích lập các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng giảm giá, quỹ khen thưởng phúc lợi.
- Chia lãi các bên tham gia góp vốn.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua, doanh nghiệp đã lãi hay lỗ, là kinh doanh hiệu quả hay không. Điều này đã giúp nhà quản lý đưa ra được những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

## **1.2. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.**

***1.2.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.***

- ❖ **Đối với doanh nghiệp:**

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp:

- Nắm và đánh giá được hiệu quả sản xuất, kinh doanh của từng hoạt động trong doanh nghiệp.
- Làm căn cứ để thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện việc phân phối và tái đầu tư sản xuất kinh doanh.
- Đưa ra được những chiến lược, giải pháp sản xuất kinh doanh dựa trên những thông tin thu thập được.

❖ **Đối với Nhà Nước:**

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng với Nhà nước:

- Dựa vào kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu.
- Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định kinh tế quốc gia sử dụng chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá để đề ra các giải pháp phù hợp phát triển kinh tế tầm vĩ mô tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động.
- Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư Nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đảm bảo doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả mà đảm bảo nguồn vốn Nhà nước không bị thất thoát.

- ❖ **Đối với nhà đầu tư:** Giúp các nhà đầu tư nắm bắt, phân tích và đánh giá tình hình doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các quyết định đầu tư một cách chính xác và hiệu quả nhất.

- ❖ **Đối với các tổ chức tài chính trung gian:** Dựa vào số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp làm căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp vay vốn hay không.
- ❖ **Đối với nhà cung cấp:** Kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ cho doanh nghiệp chậm thanh toán, ...

### ***1.2.2. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.***

#### ***1.2.2.1. Vai trò.***

Việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện tốt nhất để cung cấp các thông tin cần thiết giúp cho ban lãnh đạo có thể phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư có hiệu quả nhất, đồng thời cung cấp kịp thời các thông tin tài chính cho các bên liên quan.

Kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng của một kỳ kế toán. Nó cho biết được trong kỳ kế toán đó công ty lãi hay lỗ. Vì vậy việc xác định kết quả kinh doanh phải chính xác, đúng đắn và đầy đủ.

#### ***1.2.2.2. Nhiệm vụ.***

Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng chịu chi phí của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán.



Phản ánh, tính toán và kết chuyển chính xác kết quả của từng hoạt động kinh doanh trong kỳ kinh doanh nhằm xác định và phân phối kết quả kinh doanh đúng đắn, hợp lý.

Cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh của toàn doanh nghiệp.

### **1.3. NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH .**

#### ***1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.***

##### ***1.3.1.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.***

Tùy theo phương thức bán hàng, phương thức thanh toán, kế toán bán hàng sử dụng các chứng từ, sổ sách kế toán sau:

- Hóa đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ (Hóa đơn thông thường, hóa đơn GTGT)
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng)
- Chứng từ liên quan khác: Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại,...
- Sổ chi tiết bán hàng.
- Bảng kê bán hàng.
- Sổ chi tiết các tài khoản 511, 512, 3331
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính,...

##### ***1.3.1.2. Tài khoản sử dụng:***

- ❖ Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 6 tài khoản cấp 2:
  - TK 5111- Doanh thu bán hàng.

- TK 5112- Doanh thu bán các thành phẩm.
  - TK 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ.
  - TK 5114- Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
  - TK 5117- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.
  - TK 5118- Doanh thu khác.
- ❖ Tài khoản 512- Doanh thu bán hàng nội bộ.
- TK 5121- Doanh thu bán hàng hoá.
  - TK 5122- Doanh thu bán các thành phẩm.
  - TK 5123- Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- ❖ Tài khoản 33311- Thuế giá trị gia tăng đầu ra.

Kết cấu tài khoản 511, 512

Nợ	TK 511, 512	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thuế TTĐB, thuế XK, Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp</li> <li>• Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại</li> <li>• Kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ, lao vụ phát sinh trong kỳ hạch toán</li> </ul>
$\Sigma$ Số phát sinh bên Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh bên Có

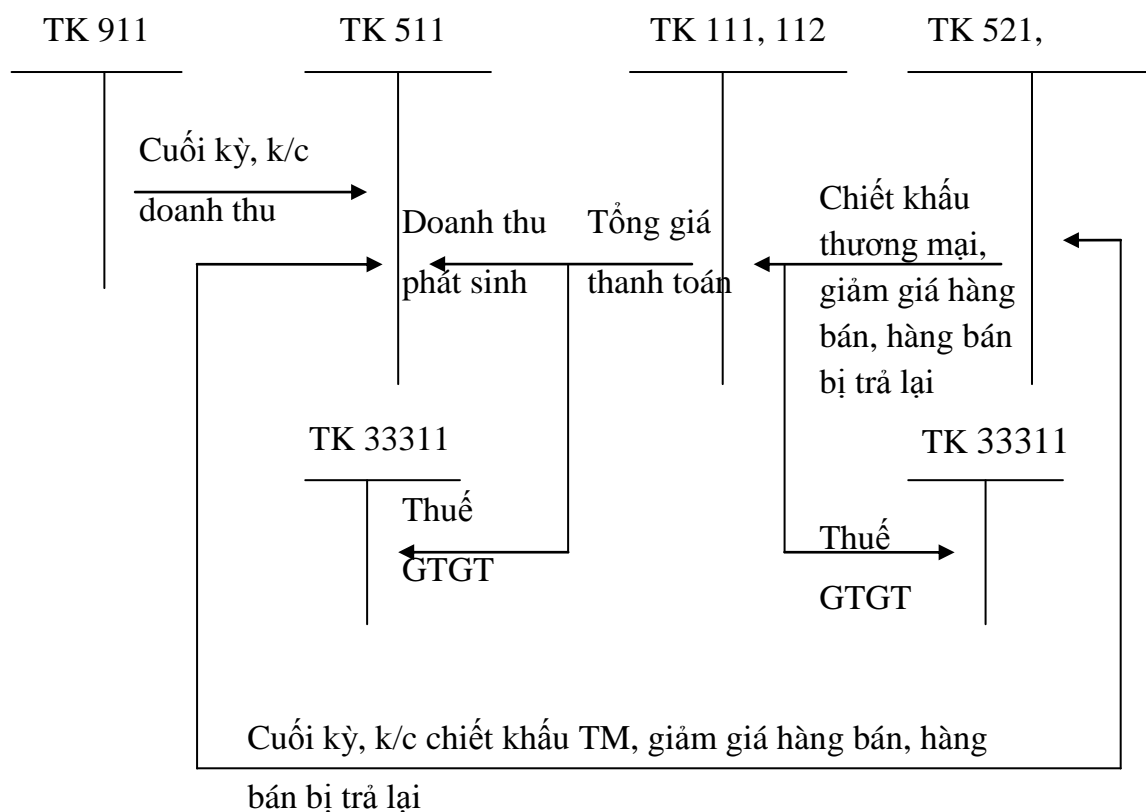
TK 511, 512 không có số dư cuối kỳ

#### 1.3.1.3. Quy trình hạch toán.

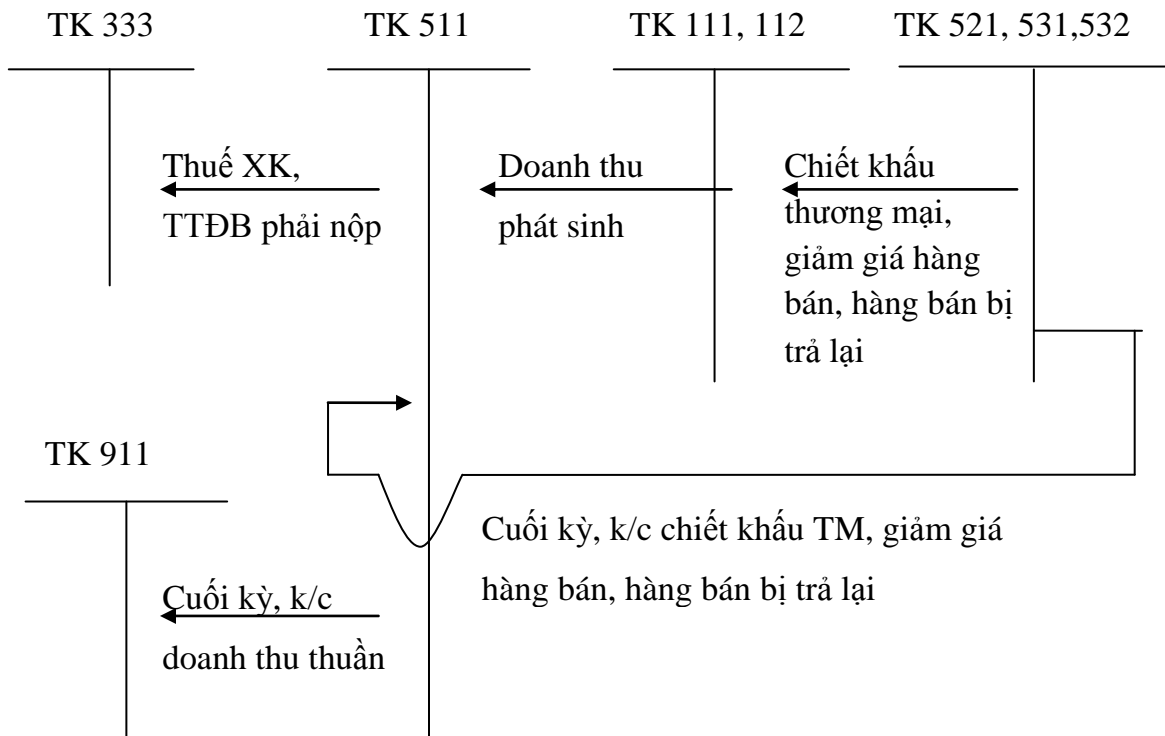
- ❖ **Kế toán doanh thu bán hàng theo phương pháp trực tiếp.**

Là phương thức bán hàng mà khách hàng có thể đến mua hàng trực tiếp hoặc thanh toán trước tiền hàng, sau đó công ty sẽ chuyển hàng đến nơi khách hàng yêu cầu. Chi phí vận chuyển sẽ do hai bên thoả thuận.

**Sơ đồ 01: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ  
(Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)**



**Sơ đồ 02: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ  
(Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)**



**❖ Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức gửi đại lý.**

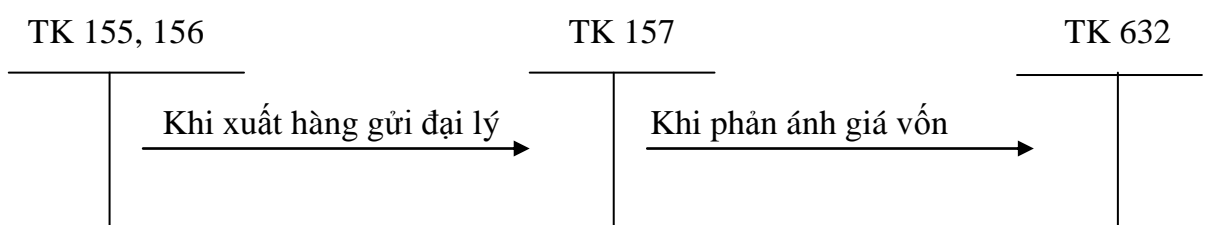
Là phương thức bán hàng mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

*Đối với bên giao đại lý:* Doanh nghiệp sẽ giao hàng cho bên nhận đại lý, bên đó sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán cho bên doanh nghiệp và nhận hoa hồng. Doanh nghiệp có nhiệm vụ nộp thuế GTGT, thuế TTĐB (nếu có) trên tổng giá trị hàng gửi bán không bao gồm phần hoa hồng phải trả cho bên nhận đại lý. Khoản hoa hồng được coi là khoản chi phí và hạch toán vào tài khoản 641.

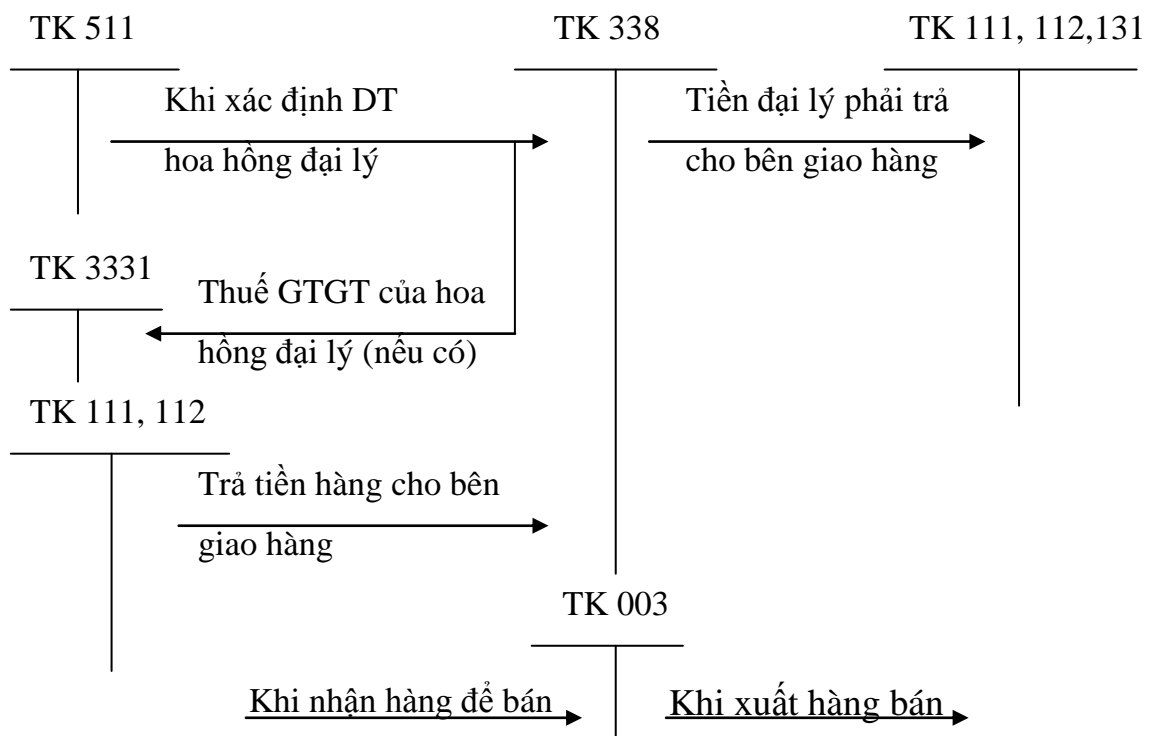
*Đối với bên nhận đại lý:* Số hàng bán đại lý không phải sở hữu của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp cũng có trách nhiệm bảo quản, bán hộ và được hưởng hoa hồng như trong hợp đồng đã ký.

**Sơ đồ 03: Kế toán bán hàng thông qua đại lý  
(Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)**

**Đối với bên giao đại lý**



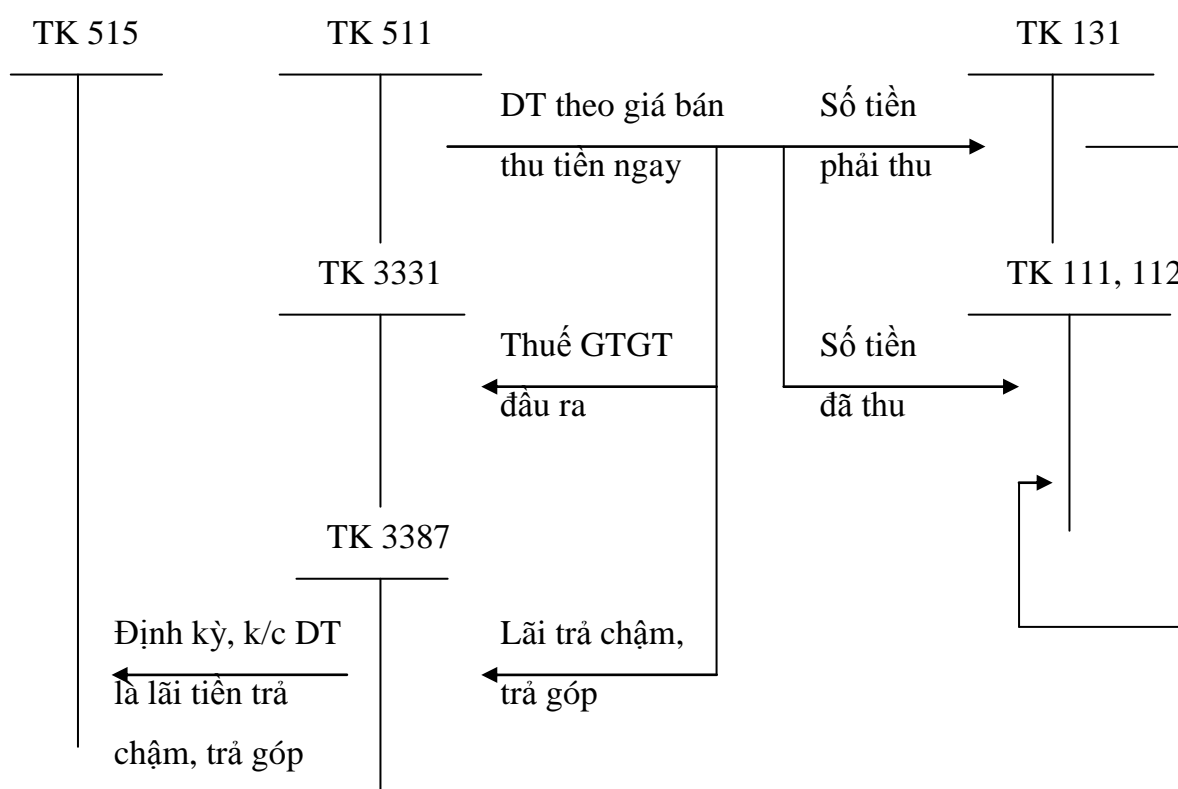
### Đối với bên nhận đại lý



❖ **Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp.**

Là phương thức bán hàng trả tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì hàng được coi là tiêu thụ (về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua trả hết tiền).

**Sơ đồ 04: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp.**



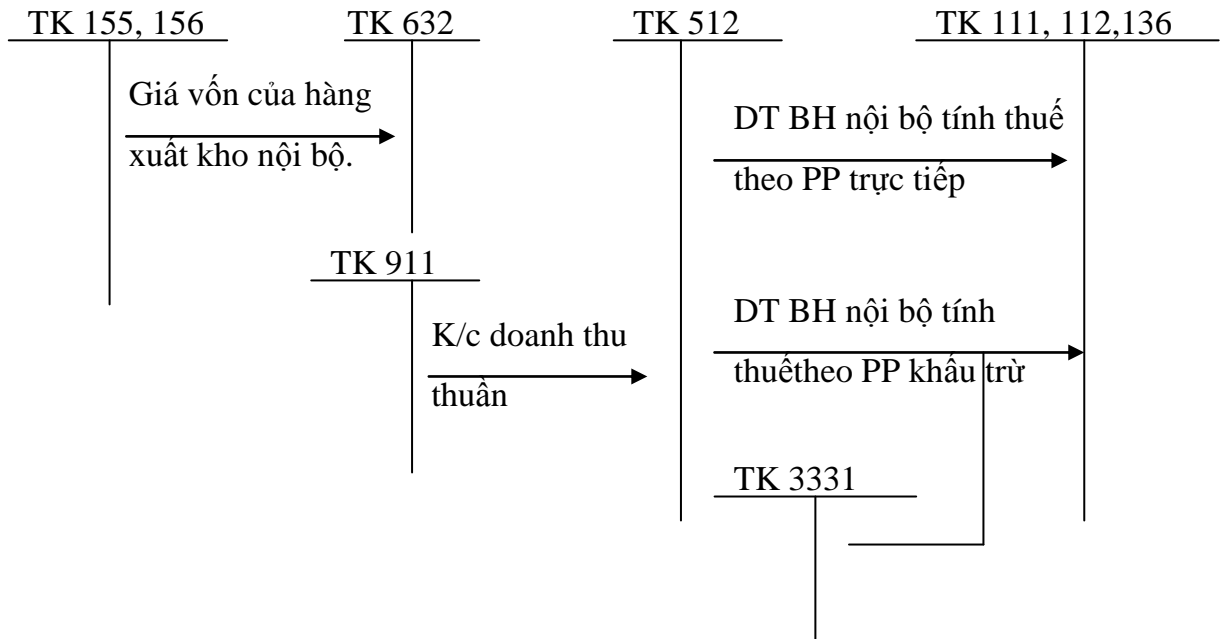
❖ **Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng.**

Khi doanh nghiệp xuất hàng trao đổi cho khách, kế toán phải ghi nhận doanh thu bán hàng và tính thuế GTGT đầu ra. Khi doanh nghiệp nhận hàng của khách hàng kế toán ghi nhập kho và tính thuế GTGT đầu vào.

❖ **Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ.**

Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ giữa các đơn vị chính với các đơn vị trực thuộc hay giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng công ty, tổng công ty,...

**Sơ đồ 05: Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ**



**1.3.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.**

**1.3.2.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.**

- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho.
- Phiếu thu, phiếu chi, hoá đơn GTGT.
- Chứng từ khác có liên quan.
- Các sổ chi tiết liên quan.
- Bảng cân đối số phát sinh.
- Báo cáo tài chính.

**1.3.2.2. Tài khoản sử dụng.**

❖ Tài khoản 521- Chiết khấu thương mại.

Kết cấu tài khoản 521

Nợ	TK 521	Có
----	--------	----

<ul style="list-style-type: none"> <li>Khoản chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kết chuyển toàn bộ khoản chiết khấu thương mại sang TK 511, TK 512 để xác định doanh thu thuần</li> </ul>
Σ Số phát sinh bên Nợ	Σ Số phát sinh bên Có

TK 521 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 531- Hàng bán bị trả lại.

Kết cấu tài khoản 531

Nợ	TK 531	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>Trị giá hàng bán trả lại</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>Kết chuyển toàn bộ khoản hàng bán bị trả lại sang TK 511, TK 512 để xác định doanh thu thuần</li> </ul>
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 531 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 532- Giảm giá hàng bán.

Kết cấu tài khoản 532

Nợ	TK 532	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>Khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho khách hàng hưởng</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>Kết chuyển toàn bộ khoản giảm giá hàng bán sang TK 511, TK 512 để xác định doanh thu thuần</li> </ul>
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 532 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 333- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, bao gồm:





### **1.3.3. Kế toán giá vốn hàng bán.**

#### **1.3.3.1. Các phương pháp xác định giá vốn.**

Để tính giá vốn hàng xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính trị giá hàng xuất kho theo quy định trong Chuẩn mực kế toán số 02: “Hàng tồn kho”:

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ, bình quân gia quyền liên hoàn.
- Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)
- Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO).
- Phương pháp thực tế đích danh.

***Trị giá hàng xuất kho = Lượng hàng hoá xuất kho \* Giá đơn vị xuất kho.***

#### **❖ Phương pháp bình quân gia quyền**

Theo phương pháp này thì trị giá thực tế của hàng hoá, thành phẩm xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hoá, thành phẩm xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền.

Giá đơn vị bình quân gia quyền có hai cách tính:

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị bình} \\ \text{quân gia quyền} \\ \text{cả kỳ} \end{array} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị bình quân gia quyền liên} \\ \text{hoàn sau lần nhập i} \end{array} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập i}}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập i}}$$

❖ **Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO).**

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nhập về trước sẽ được xuất trước, xuất hết số hàng nhập trước mới tính đến số hàng nhập sau theo giá mua thực tế của từng loại hàng (trong trường hợp này, số hàng tồn đầu kỳ sẽ được coi là lần nhập đầu tiên).

❖ **Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO).**

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nhập về sau sẽ được xuất trước, xuất hết số hàng nhập lần sau mới tính đến số hàng nhập lần ngay trước đó của từng loại hàng.

❖ **Phương pháp thực tế đích danh.**

Theo phương pháp này, hàng hoá nhập kho theo giá nào thì được xuất kho theo giá đó. Hàng hoá được xác định theo đơn chiếc từng lô và giữ nguyên giá cho đến lúc bán (trừ trường hợp điều chỉnh).

Phương pháp này phản ánh chính xác giá trị của từng lô hàng hoá của mỗi lần nhập. Do đó những doanh nghiệp có nhiều mặt hàng, nhiều nghiệp vụ nhập xuất hàng hoá không nên áp dụng.

#### 1.3.3.2. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.

- Hoá đơn mua hàng, hoá đơn GTGT.
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho.
- Phiếu kế toán (nếu có)
- Sổ chi tiết và bảng tổng hợp vật liệu, dụng cụ, hàng hoá.
- Bảng cân đối số phát sinh.
- Báo cáo tài chính....

#### 1.3.3.3. Tài khoản sử dụng.

- ❖ Tài khoản 155- Thành phẩm.
- ❖ Tài khoản 156- Hàng hoá.
- ❖ Tài khoản 157- Hàng gửi đi bán.
- ❖ Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán.

#### Kết cấu tài khoản 632

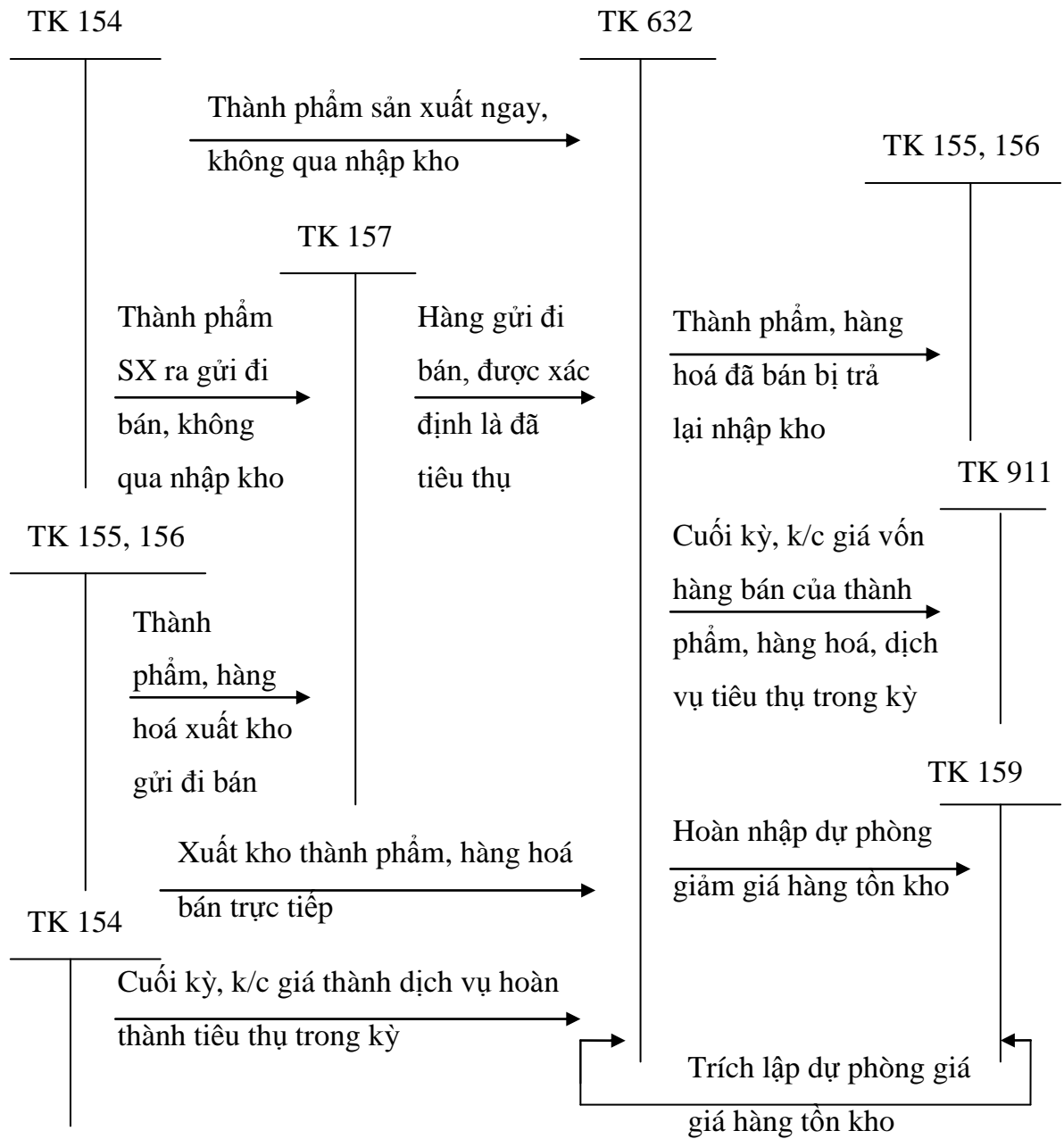
Nợ	TK632	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phản ánh giá vốn của hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.</li> <li>• Sổ trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kết chuyển giá vốn hàng bán bị trả lại</li> <li>• Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính</li> <li>• Kết chuyển giá vốn hàng bán vào TK 911</li> </ul>
$\Sigma$ Số phát sinh bên Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh bên Có

TK 632 không có số dư cuối kỳ

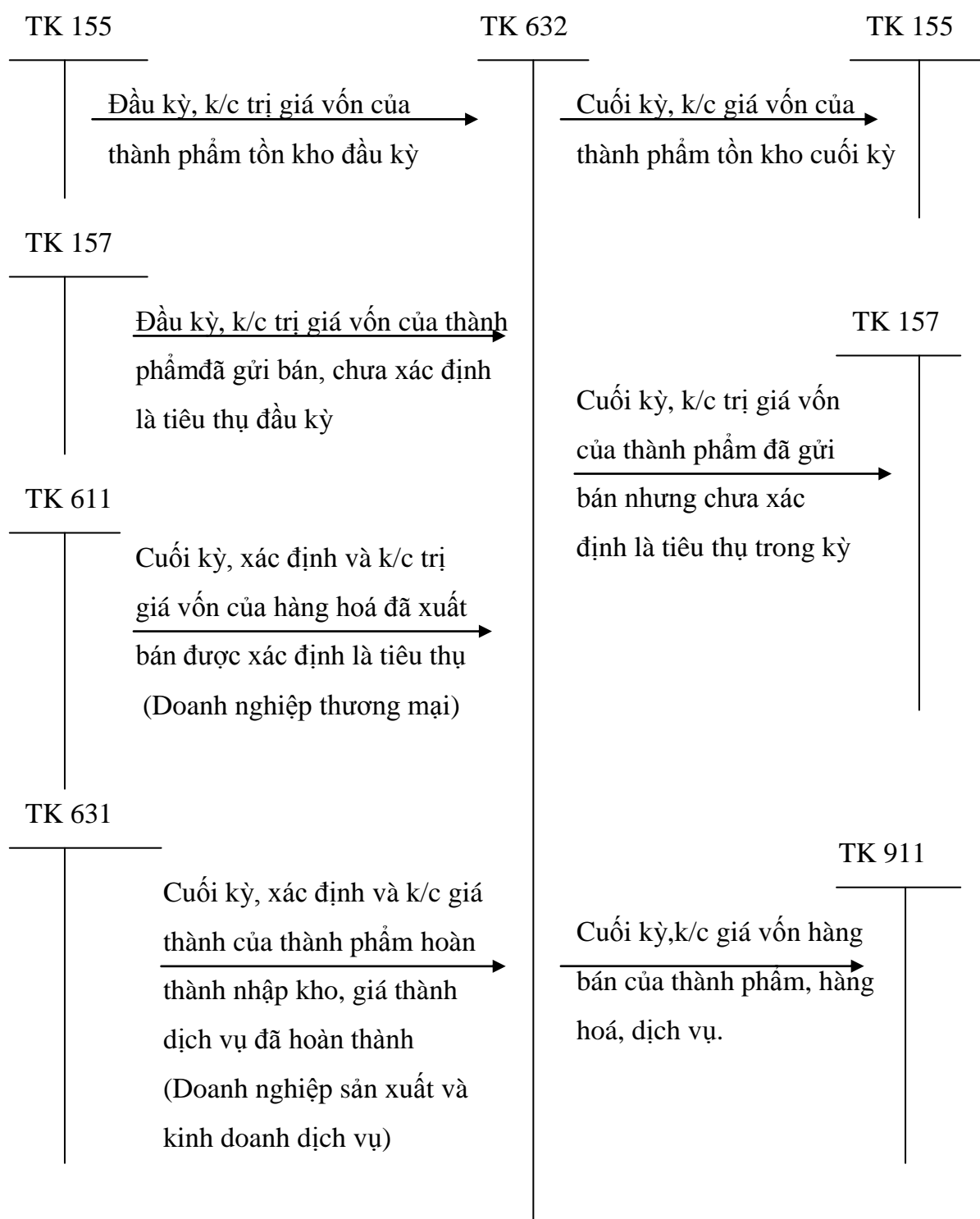
1.3.3.4. Quy trình hạch toán.

**Sơ đồ 09: Kế toán giá vốn hàng bán.**

❖ Theo phương pháp kê khai thường xuyên.



❖ Theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



#### 1.3.4. Kế toán chi phí bán hàng.

#### 1.3.4.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.

- Bảng tính và phân bổ tiền lương và BHXH.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ.
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu thu, phiếu chi,...
- Sổ chi tiết liên quan.
- Bảng cân đối số phát sinh.
- Báo cáo tài chính.

#### 1.3.4.2. Tài khoản kế toán sử dụng.

Tài khoản 641- Chi phí bán hàng, bao gồm 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411- Chi phí nhân viên.
- TK 6412- Chi phí vật liệu, bao bì.
- TK6413- Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- TK 6414- Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6415- Chi phí bảo hành.
- TK 6417- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6418- Chi phí bằng tiền khác.

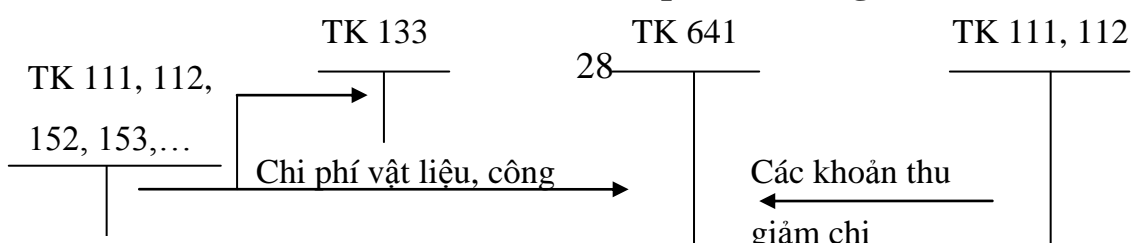
Kết cấu tài khoản 641

Nợ	TK 641	Có
• Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ		• Kết chuyển chi phí bán hàng trong kỳ sang TK 911
$\Sigma$ Số phát sinh bên Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh bên Có

TK 641 không có số dư cuối kỳ

#### 1.3.4.3. Quy trình hạch toán.

##### Sơ đồ 10: Kế toán chi phí bán hàng.



***1.3.5. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.***

***1.3.5.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.***

- Bảng tính và phân bổ tiền lương và BHXH.



- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ.
- Các chứng từ gốc liên quan.
- Sổ chi tiết liên quan.
- Bảng cân đối số phát sinh.
- Báo cáo tài chính.

#### 1.3.5.2. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp, bao gồm 8 tài khoản cấp 2:

- TK 6421- Chi phí kinh doanh quản lý.
- TK 6422- Chi phí vật liệu quản lý.
- TK 6423- Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK 6424- Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6425- Thuế, phí và lệ phí.
- TK 6426- Chi phí dự phòng.
- TK 6427- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6428- Chi phí bằng tiền khác.

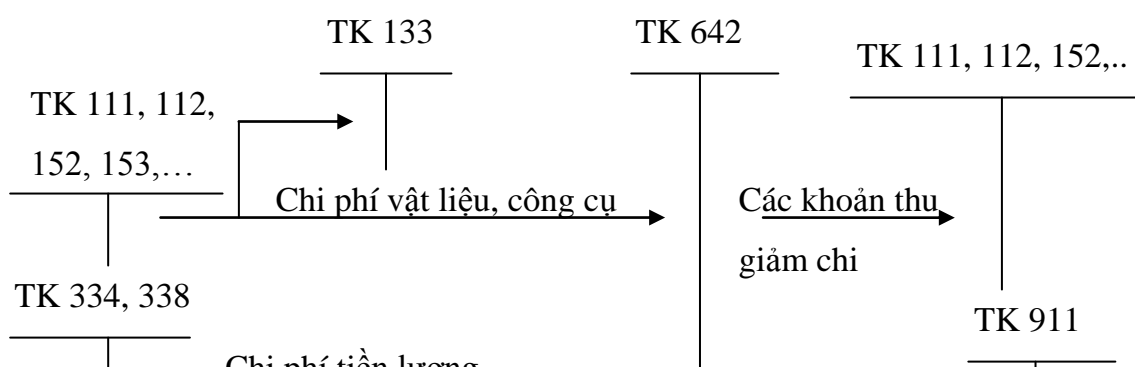
Kết cấu tài khoản 642

Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911</li> </ul>
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 642 không có số dư cuối kỳ

#### 1.3.5.3. Quy trình hạch toán.

##### Sơ đồ 11: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.



### **1.3.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.**

#### **1.3.6.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.**

- Phiếu thu, phiếu chi, phiếu kế toán.
- Giấy báo có, giấy báo nợ, ...
- Các chứng từ liên quan khác.
- Sổ chi tiết liên quan.
- Bảng cân đối số phát sinh.
- Bảng cáo tài chính.

#### **1.3.6.2. Tài khoản sử dụng.**

- ❖ Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính.

Kết cấu tài khoản 515

Nợ	TK515	Có
<ul style="list-style-type: none"><li>• Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)</li><li>• Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911</li></ul>		<ul style="list-style-type: none"><li>• Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán trả chậm, lãi tỷ giá...</li></ul>
$\Sigma$ Số phát sinh bên Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh bên Có

TK 515 không có số dư cuối kỳ

- ❖ Tài khoản 635- Chi phí hoạt động tài chính.

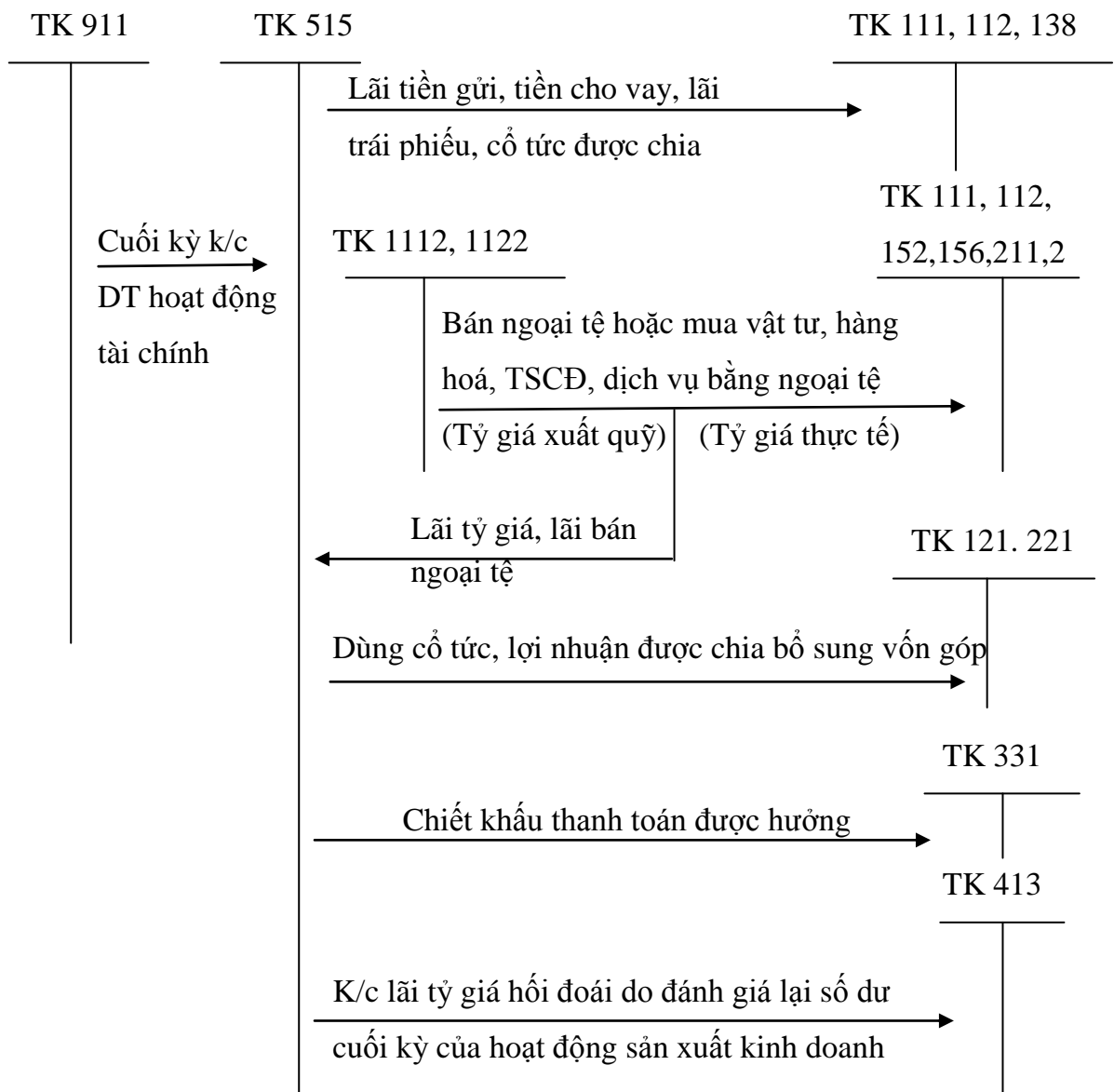
Kết cấu tài khoản 635

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>Tập hợp chi phí hoạt động tài chính: chi phí đi vay, lỗ tỷ giá, chiết khấu thanh toán cho người mua.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK 911</li> </ul>
$\Sigma$ Số phát sinh bên Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh bên Có

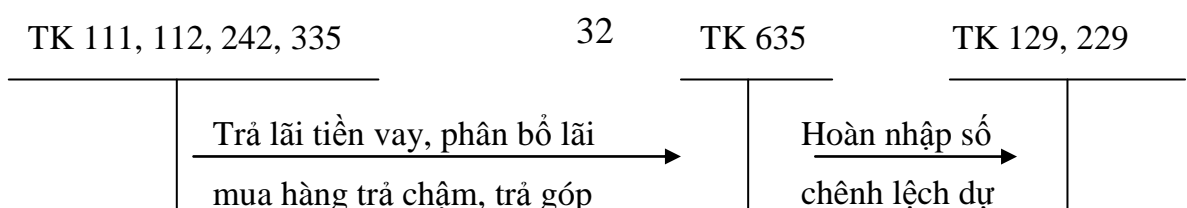
TK 635 không có số dư cuối kỳ

### 1.3.6.3. Quy trình hạch toán.

#### Sơ đồ 12: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.



#### Sơ đồ 13: Kế toán chi phí hoạt động tài chính.





### 1.3.7. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

#### 1.3.7.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.

- Phiếu thu, phiếu chi, phiếu kế toán.
- Giấy báo nợ, giấy báo có,...
- Các chứng từ khác liên quan.
- Các sổ sách liên quan.
- Bảng cân đối số phát sinh.
- Báo cáo tài chính.

#### 1.3.7.2. Tài khoản sử dụng.

- ❖ Tài khoản 711- Doanh thu khác.

Kết cấu tài khoản 711

Nợ	TK711	Có
<ul style="list-style-type: none"><li>• Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp.</li><li>• Kết chuyển thu nhập khác sang TK 911</li></ul>		<ul style="list-style-type: none"><li>• Tập hợp thu nhập khác phát sinh trong kỳ kinh doanh.</li></ul>
$\Sigma$ Số phát sinh bên Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh bên Có

TK 711 không có số dư cuối kỳ

- ❖ Tài khoản 811- Chi phí khác

Kết cấu tài khoản 811

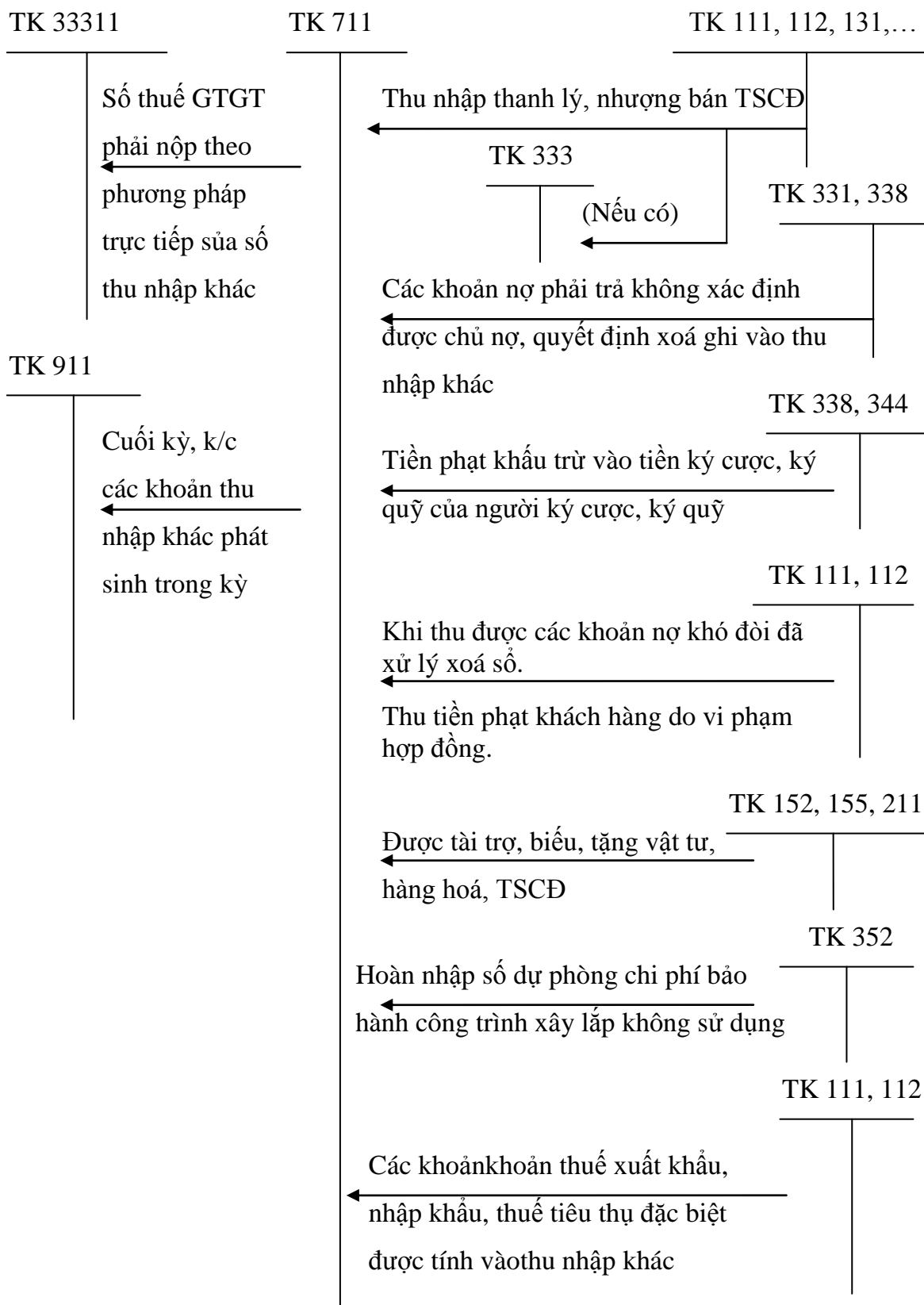
Nợ	TK 811	Có
----	--------	----

• Tập hợp chi phí khác phát sinh trong kỳ	• Kết chuyển chi phí khác sang TK 911
$\Sigma$ Số phát sinh bên Nợ	$\Sigma$ Số phát sinh bên Có

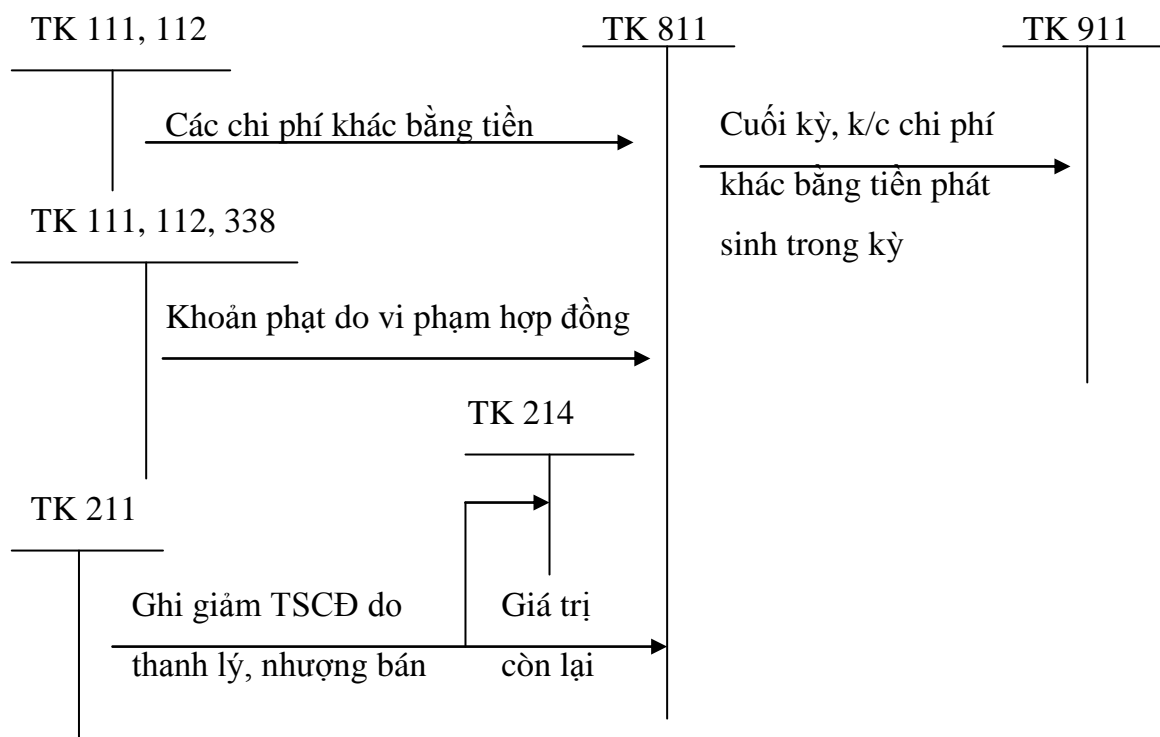
TK 811 không có số dư cuối kỳ

*1.3.7.3. Quy trình hạch toán.*

### Sơ đồ 14: Kế toán thu nhập khác.



### Sơ đồ 15: Kế toán chi phí khác.



#### 1.3.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

##### 1.3.8.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng

- Phiếu kế toán, các chứng từ liên quan khác.
- Sổ chi tiết liên quan.
- Bảng cân đối số phát sinh.
- Báo cáo tài chính.

##### 1.3.8.2. Tài khoản sử dụng.

- ❖ Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh.

Kết cấu tài khoản 911.



Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>Tập hợp chi phí phát sinh trong kỳ (giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác)</li> <li>Kết chuyển lãi.</li> <li>Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>Tập hợp doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ (doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác)</li> <li>Kết chuyển lỗ.</li> </ul>
$\Sigma$ Số phát sinh bên Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh bên Có

TK 911 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 421- Lợi nhuận chưa phân phối, bao gồm:

- TK 4211- Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.
- TK 4212- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

Kết cấu tài khoản 421.

Nợ	TK 421	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</li> <li>Trích lập các quỹ trong doanh nghiệp.</li> <li>Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, các nhà đầu tư, các bên tham gia góp vốn.</li> <li>Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.</li> <li>Nộp lợi nhuận lên cấp trên.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ.</li> <li>Số lỗ của cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.</li> <li>Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh</li> </ul>
$\Sigma$ Số phát sinh bên Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh bên Có
Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý		Số lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm:

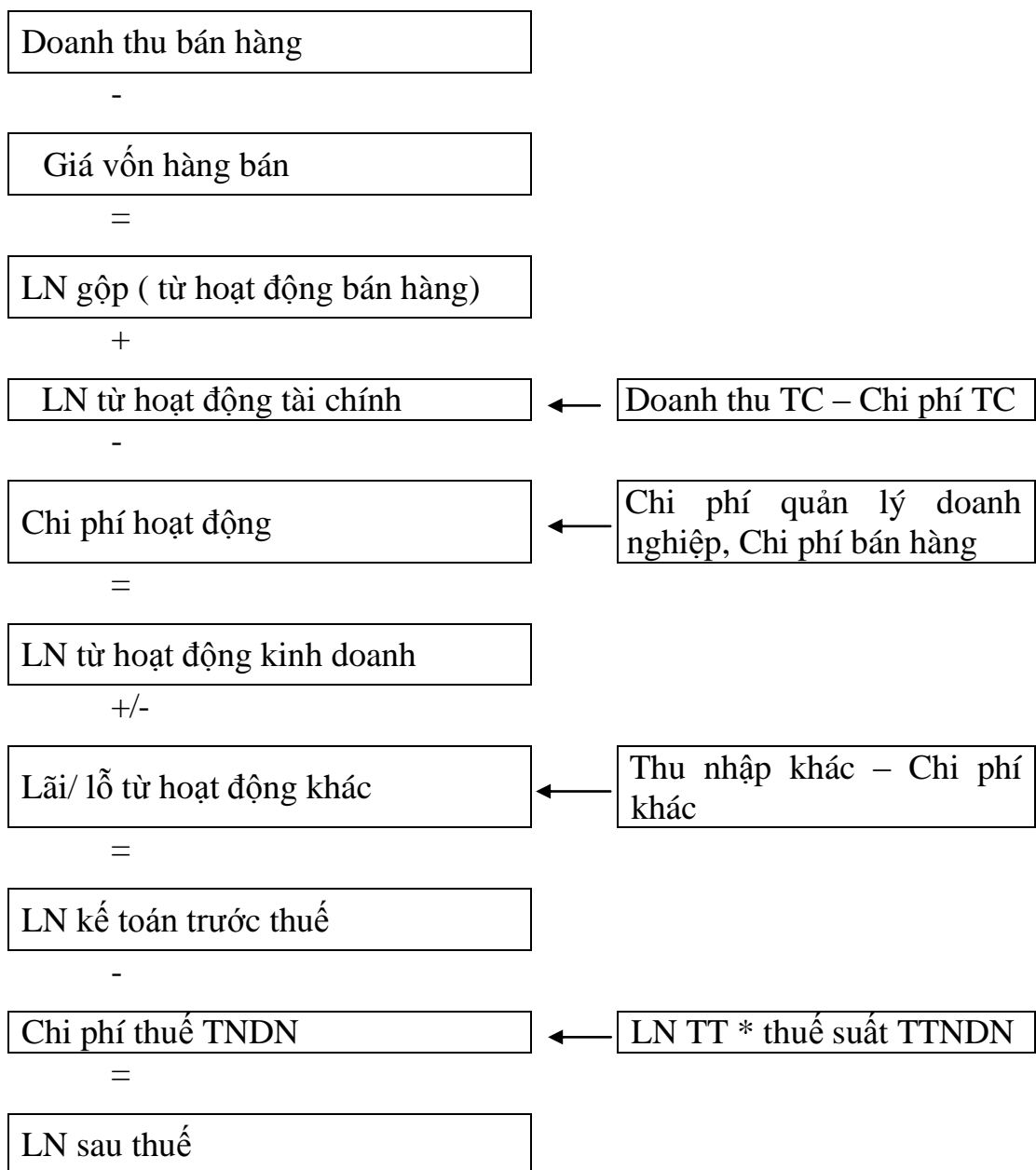
- TK 8211- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- TK 8212- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Kết cấu tài khoản 821.

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.</li> <li>• Ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm.</li> <li>• Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.</li> <li>• Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.</li> </ul>
$\Sigma$ Số phát sinh bên Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh bên Có

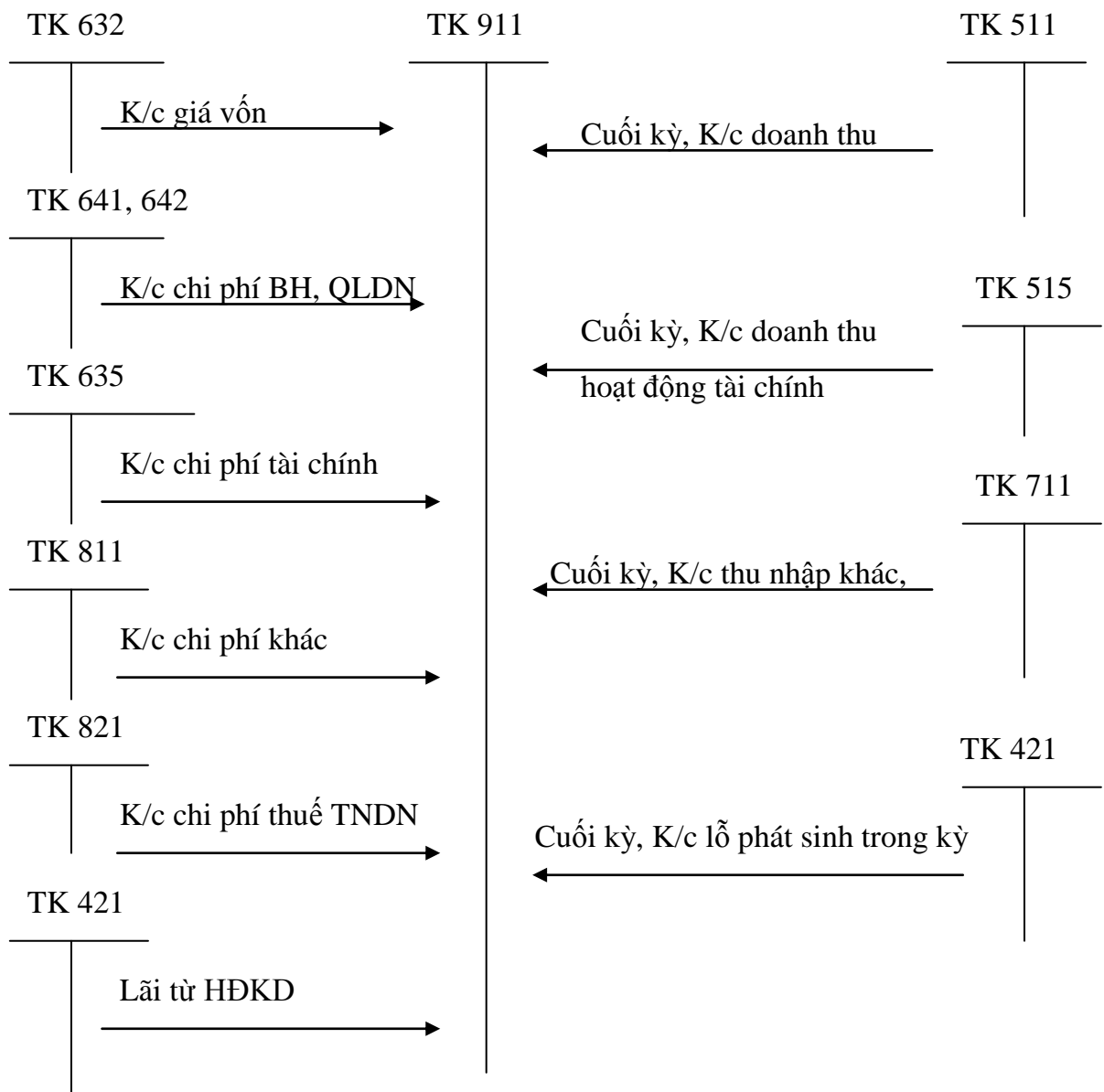
TK 821 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 3334- Thuế thu nhập doanh nghiệp.

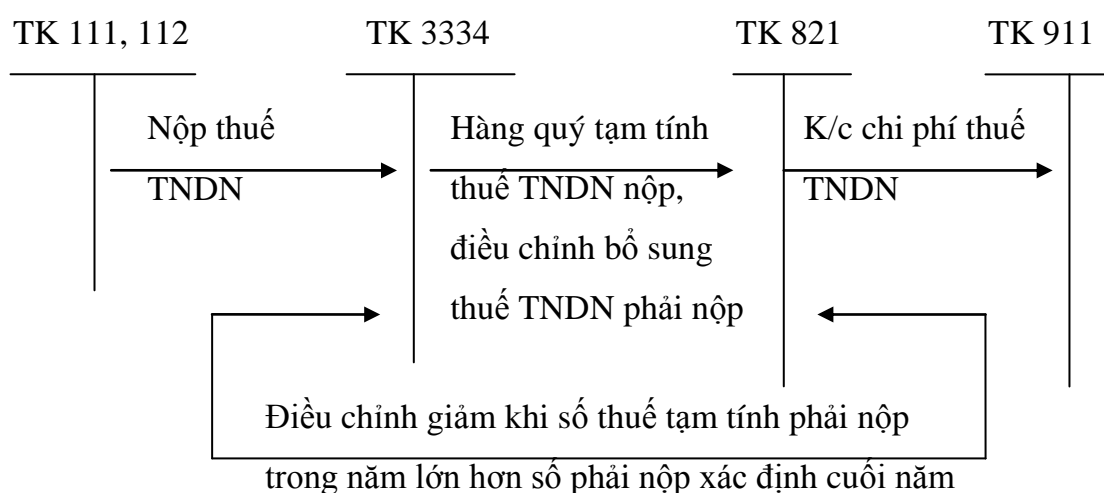


### 1.3.8.3. Quy trình hạch toán.

**Sơ đồ 16: Kế toán xác định kết quả kinh doanh.**



## Sơ đồ 17: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.



### 1.4. TỔ CHỨC SỔ SÁCH KẾ TOÁN DOANH THU.

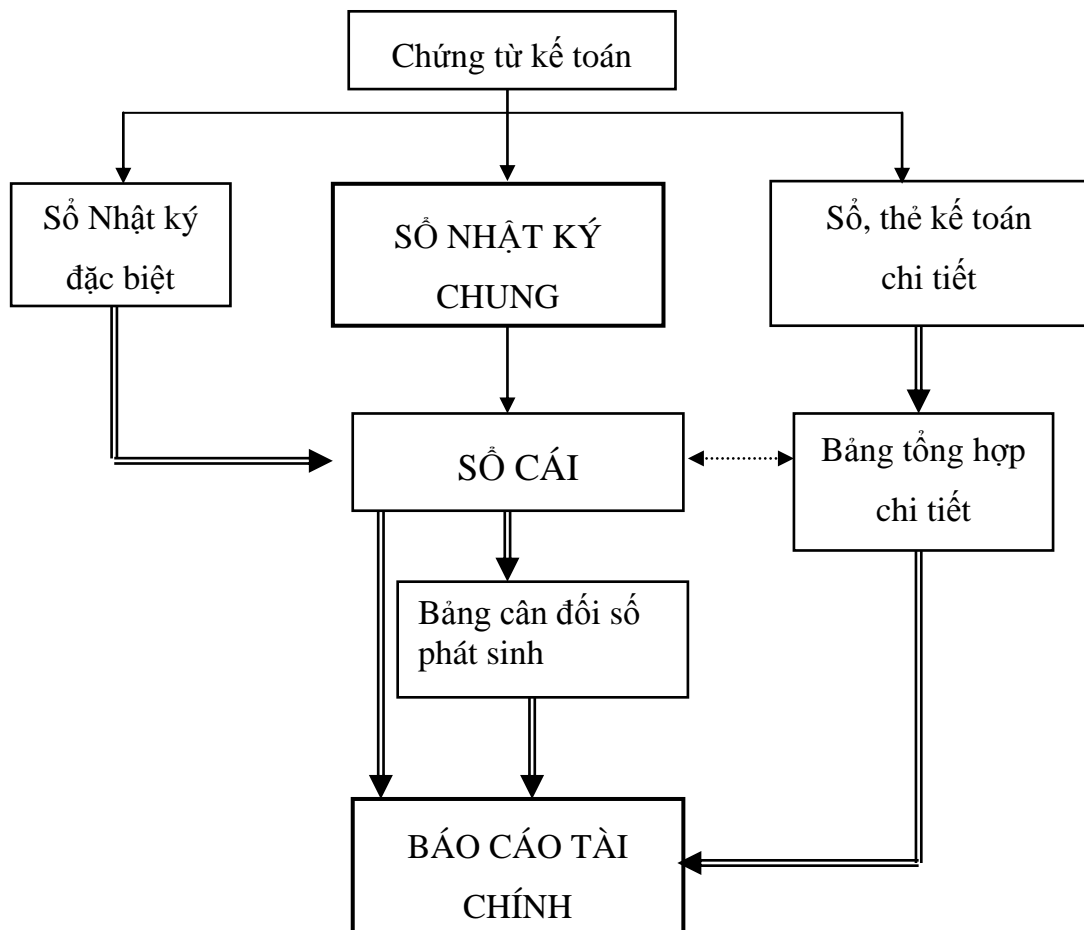
#### 1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

- ❖ Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là Sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- ❖ Các loại sổ: Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái, sổ thẻ kế toán chi tiết,...
- ❖ Trình tự ghi sổ kế toán.

#### Sơ đồ 18: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.



Ghi chú: Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng , định kỳ  $\Longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

#### 1.4.2. Hình thức kế toán Chứng Từ - Ghi Sổ.

❖ Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức Chứng Từ -Ghi Sổ.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

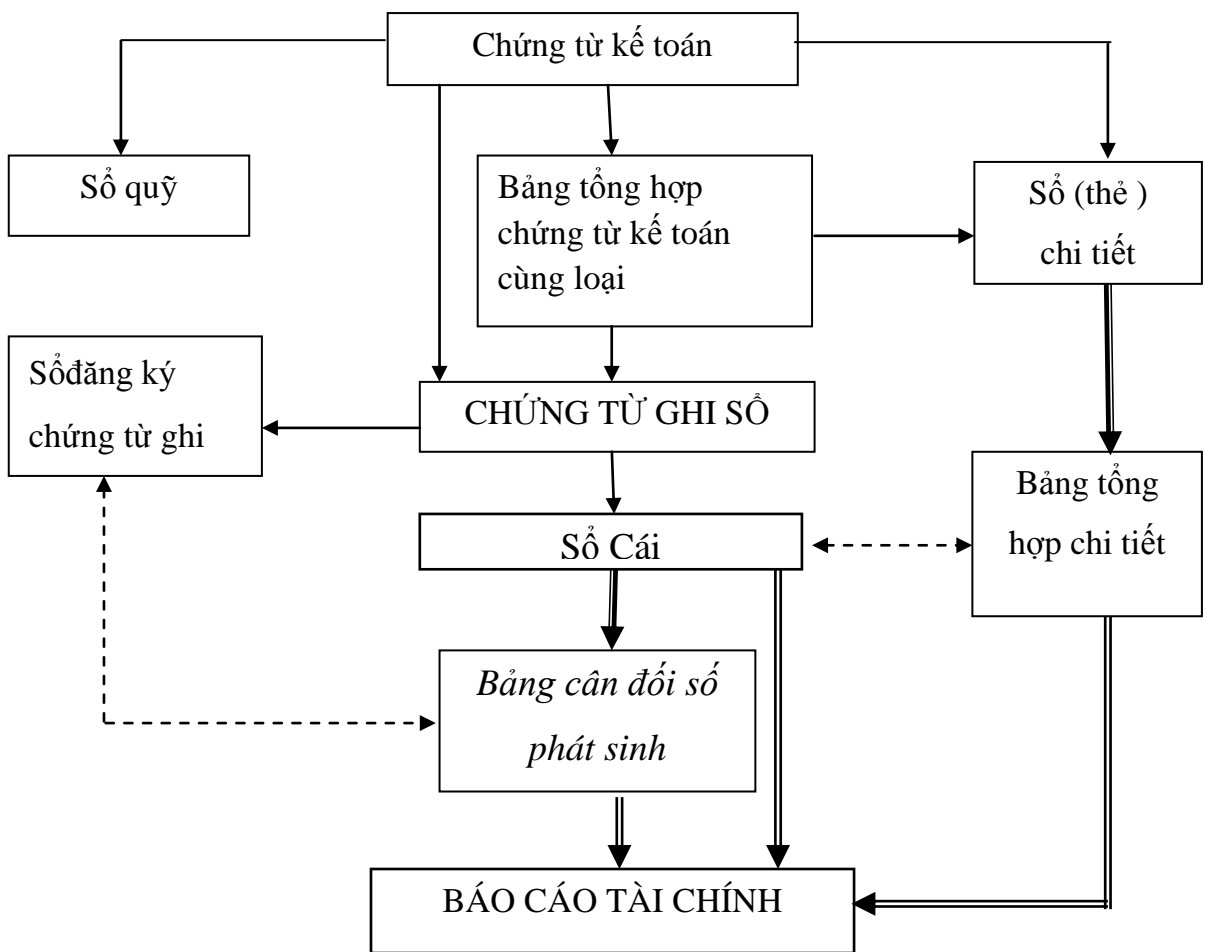
- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

- ❖ Các loại sổ: Chứng từ ghi sổ; Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ; Sổ Cái; các Sổ, thẻ kế toán chi tiết. ...
- ❖ Trình tự ghi sổ kế toán.

**Sơ đồ 19: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng Từ - Ghi Sổ.**



- Ghi chú: Ghi hàng ngày                      →
- Ghi cuối tháng, định kỳ        ==>
- Đối chiếu, kiểm tra                    <-.-.-.-.->

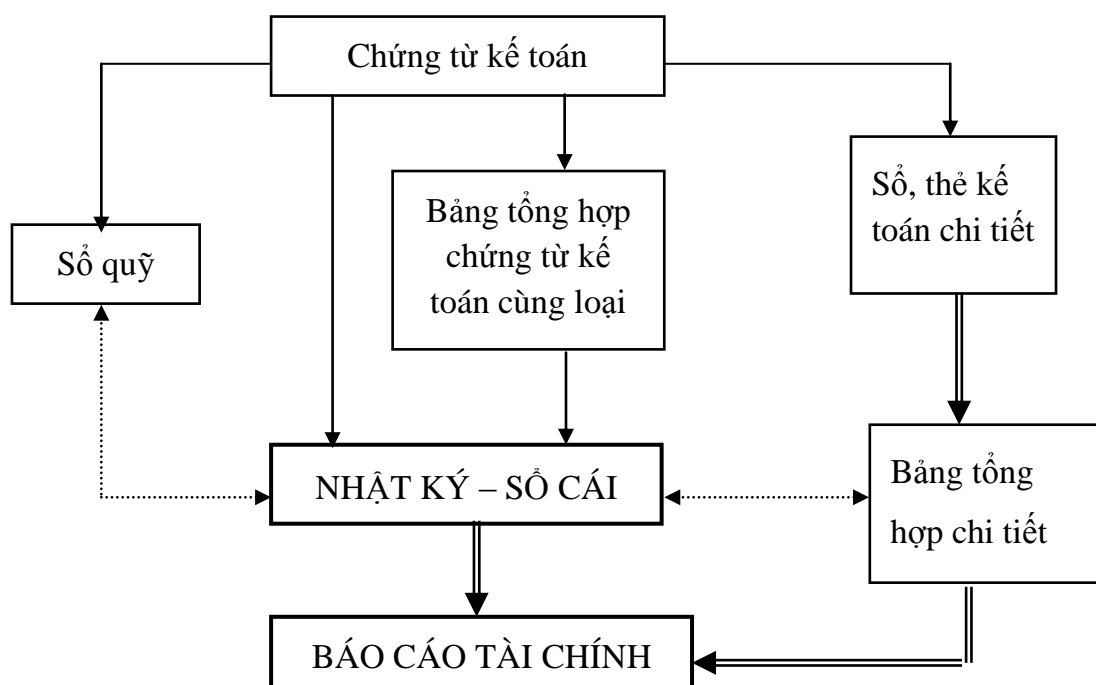
**1.4.3. Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ Cái**

- ❖ Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký- Sổ Cái.

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký- Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế( theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký- Sổ Cái. Căn cứ để ghi sổ Nhật ký- Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

- ❖ Các loại sổ: Nhật ký- Sổ Cái; các sổ, thẻ kế toán chi tiết...
- ❖ Trình tự ghi sổ kế toán.

**Sơ đồ 20: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký- Sổ Cái.**



- Ghi chú: Ghi hàng ngày                       $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng, định kỳ                       $\Longrightarrow$
- Đối chiếu, kiểm tra                       $\longleftrightarrow$

#### 1.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ

- ❖ Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký- Chứng từ.



Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng bên Nợ.

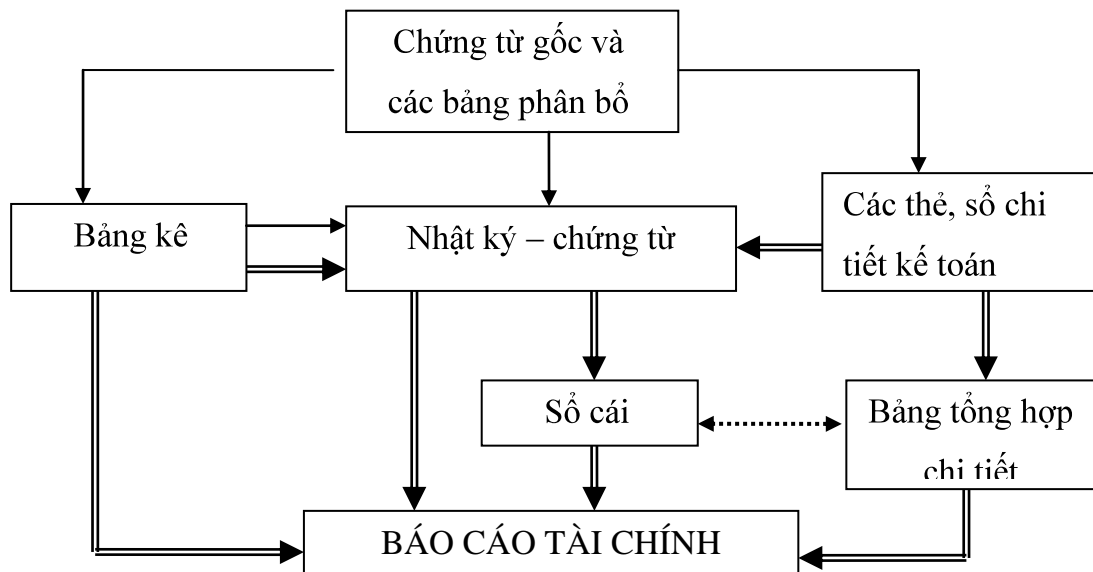
Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

- ❖ Các loại sổ: Nhật ký- chứng từ; Bảng kê; Sổ Cái; Sổ, thẻ kế toán chi tiết...
- ❖ Trình tự ghi sổ.

**Sơ đồ 21: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chứng từ.**



- Ghi chú: Ghi hàng ngày                      —————>
- Ghi cuối tháng, định kỳ        ==>
- Đối chiếu, kiểm tra                      <-.-.-.-.->

**1.4.4. Hình thức kế toán máy vi tính.**

- ❖ Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy vi tính.

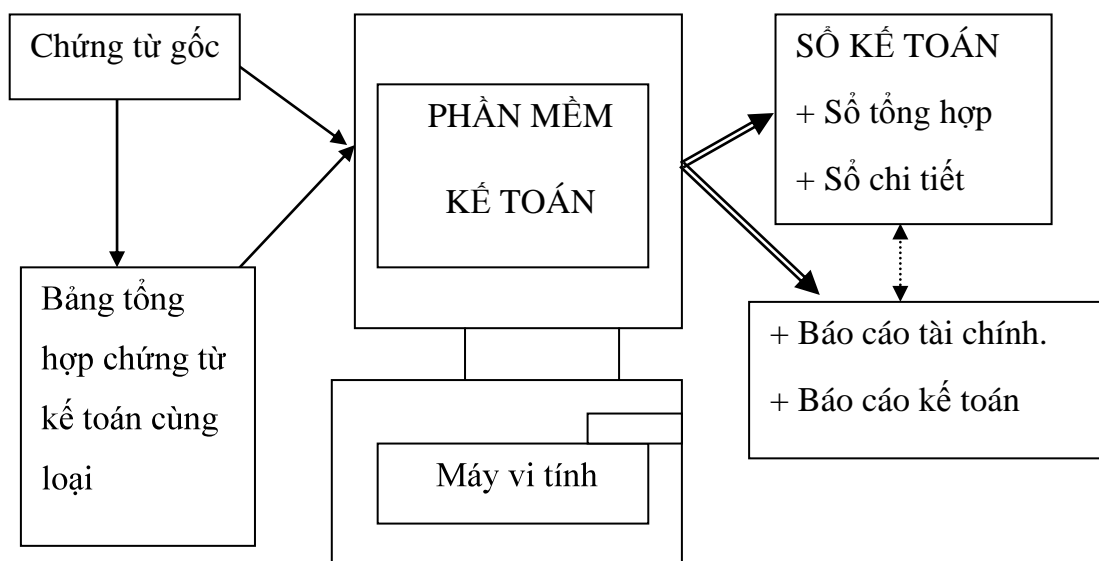
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo quy định.

❖ Các loại sổ:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

❖ Trình tự ghi sổ.

**Sơ đồ 22: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy.**



Ghi chú: Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, định kỳ ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.->

## **CHƯƠNG 2: MÔ TẢ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HOÀNG GIA.**

### **2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH TM VÀ DVKT HOÀNG GIA.**

#### ***2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.***

Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Hoàng Gia là công ty TNHH một thành viên thành lập năm 2003.

- ❖ Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH TM và DV kỹ thuật Hoàng Gia.
- ❖ Tên viết tắt: Hoang Gia Automation Co.,ltd.
- ❖ Địa chỉ: 60 Nguyễn Văn Linh - Dư Hàng Kênh – Lê Chân – Hải Phòng
- ❖ Điện thoại: 0313 500 285 Fax: 0313 513 792.
- ❖ Email: kinhdoanh.hoanggia@gmail.com
- ❖ Website: www.tudonghoahoanggia.com.
- ❖ Tài khoản giao dịch: 0031000133583
- ❖ Mã số thuế: 020 0655356

#### ***2.1.2. Đặc điểm tổ chức kinh doanh của công ty.***

##### ***2.1.2.1. Lĩnh vực hoạt động của công ty***

Cung cấp các sản phẩm và dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực tự động hoá, điện.

- ❖ Cung cấp các sản phẩm tự động hoá, điện.
- ❖ Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật.

Sản phẩm chính của công ty là biến tần INVT, ngoài ra vẫn cung cấp các mặt hàng khác khi có yêu cầu của khách hàng.

### 2.1.2.2. Những kết quả đạt được trong 3 năm qua.

Tuy công ty mới được thành lập chưa lâu, gặp nhiều khó khăn về vốn và thị trường nhưng với sự lãnh đạo sáng suốt của Ban lãnh đạo công ty, nắm bắt được thời cơ, do đó công ty nhanh chóng thích nghi với thị trường, bước đầu có những kết quả nhất định. Trình độ quản lý ngày càng nâng cao, được thể hiện qua một số chỉ tiêu về kết quả kinh doanh như sau:

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1	Tổng doanh thu	4.184.916.241	4.559.519.988	5.005.177.811
2	Tổng chi phí	4.020.710.764	4.352.996.685	4.902.452.824
3	Tổng LNTT	164.205.477	206.523.303	102.724.987
4	Thuế TNDN	41.051.369	51.630.826	17.976.893
5	Tổng LNST	123.154.108	154.892.477	84.748.114

### 2.1.2.3. Thuận lợi và khó khăn.

#### ❖ Thuận lợi.

- Quá trình công nghiệp hoá- hiện đại hoá đất nước, đã tạo điều kiện để ngành công nghiệp điện, tự động hoá phát triển.
- Nhà nước ta có nhiều chính sách nhằm phát triển kinh tế.
- Nền kinh tế phát triển trong thời gian qua, nhiều doanh nghiệp, xí nghiệp mở rộng sản xuất, nhu cầu sử dụng sản phẩm của công ty tăng.
- Sự phát triển của khoa học công nghệ, kỹ thuật phát triển, chất lượng sản phẩm ngày một tăng lên.

#### ❖ Khó khăn

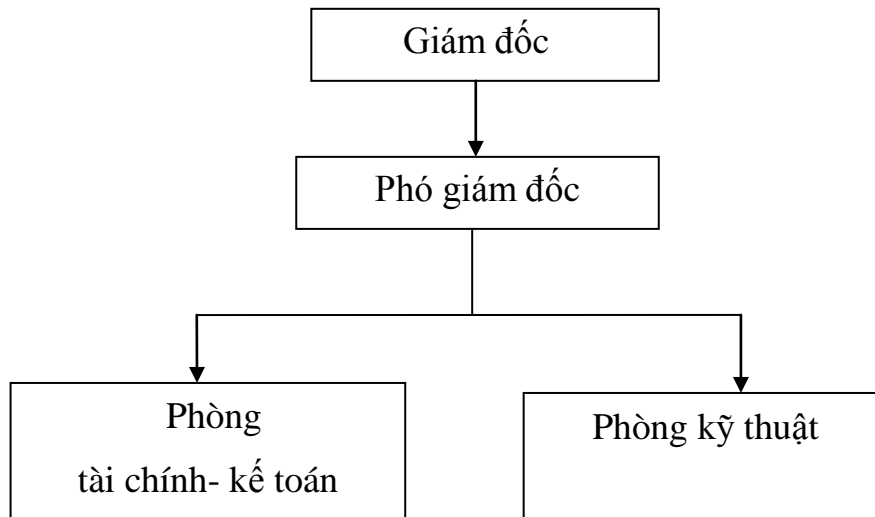
- Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (năm 2008), một bộ phận không nhỏ những doanh nghiệp, xí nghiệp nhỏ và vừa phải thu hẹp quy mô sản

xuất, hay giải thể phá sản làm mất đi một nhóm khách hàng hiện tại và tiềm năng của doanh nghiệp.

- Sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành.

#### 2.1.2.4. Đặc điểm tổ chức quản lý của công ty.

#### Sơ đồ 23: Cơ cấu tổ chức của công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia.



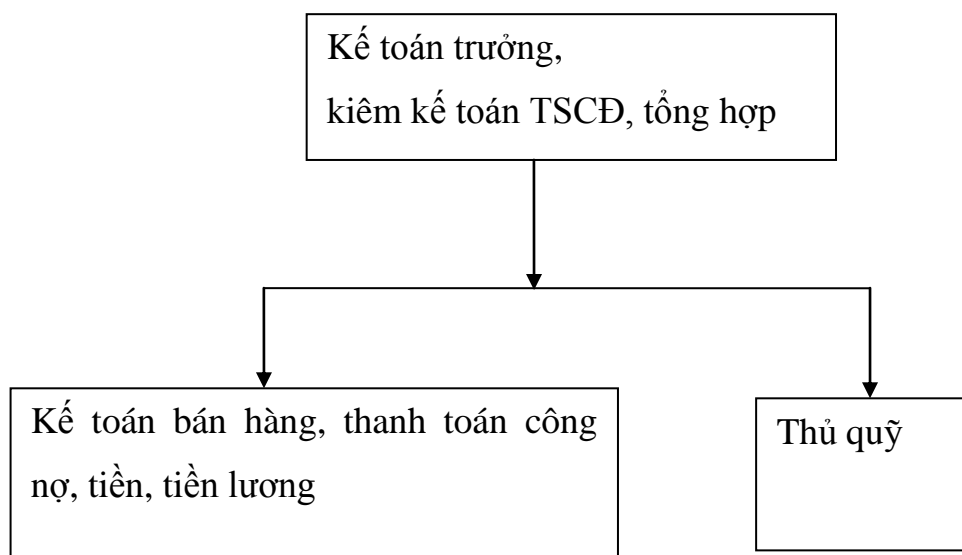
Công ty thực hiện chế độ quản lý theo chế độ một thủ trưởng

- ❖ Đứng đầu là giám đốc công ty, người có quyền lãnh đạo cao nhất, trực tiếp chỉ đạo mọi hoạt động của công ty, là người đại diện cho Công ty trước pháp luật.
- ❖ Phó Giám đốc: Là người chịu trách nhiệm giải quyết các công việc phát sinh ở công ty khi Giám đốc vắng mặt; và là người chịu trách nhiệm chính về vấn đề kỹ thuật.
- ❖ Phòng kế toán – tài chính: Gồm có một kế toán trưởng, một kế toán viên và một thủ quỹ. Công việc của các nhân viên phòng kế toán sẽ được trình bày cụ thể ở phần mô hình tổ chức kế toán của công ty.
- ❖ Phòng kỹ thuật: Gồm các kỹ thuật viên của công ty, chuyên trách việc thực hiện các nhiệm vụ lắp đặt, tư vấn, sửa chữa cho các sản phẩm do công ty cung cấp.

### 2.1.2.5. Đặc điểm tổ chức kế toán.

#### ➤ Mô hình tổ chức kế toán.

**Sơ đồ 24: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty**



Theo mô hình trên, chức năng và nhiệm vụ của từng người như sau:

- ❖ **Kế toán trưởng:** Là người chịu trách nhiệm chung toàn bộ công tác kế toán, giao dịch hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra công việc của các nhân viên trong phòng, là kế toán tổng hợp chịu trách nhiệm trước ban giám đốc, cơ quan thuế về những thông tin kế toán cung cấp; đồng thời theo dõi tình hình tăng giảm và trích khấu hao tài sản cố định.
- ❖ **Kế toán bán hàng, theo dõi công nợ:** Là người theo dõi chi tiết các nghiệp vụ xuất, nhập và tồn kho hàng hoá, tình hình tiêu thụ và xác định chi phí. Cuối tháng, cần có chứng từ gốc để lập báo cáo tổng hợp nhập, xuất và tồn kho hàng hoá.

Theo dõi vốn bằng tiền như tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền vay và tiền lương, theo dõi các khoản công nợ với khách hàng và nhà cung cấp.

- ❖ **Thủ quỹ** do phó giám đốc kiêm nhiệm, là người chịu trách nhiệm quản lý, bảo quản quỹ tiền mặt; xuất, nhập quỹ tiền mặt theo phiếu thu, chi đã được phê duyệt;

➤ **Hình thức và chế độ kế toán áp dụng.**

- ❖ Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Hoàng Gia tổ chức kế toán theo mô hình kế toán tập trung, mọi việc kế toán đều được thực hiện tại phòng kế toán tạo điều kiện kiểm tra chỉ đạo các nghiệp vụ và đảm bảo sự kiểm soát tập trung, thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo của Ban giám đốc.
- ❖ Chế độ kế toán áp dụng: Theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ban hành ngày 20/3/2006.
- ❖ Niên độ kế toán áp dụng: Từ 01/01 đến 31/12
- ❖ Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.
- ❖ Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- ❖ Công ty trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.
- ❖ Đơn vị tiền tệ hạch toán là Việt Nam đồng.
- ❖ Hình thức kế toán áp dụng: Hình thức Nhật ký chung.

## **2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI TNHH TM VÀ DVKT HOÀNG GIA.**

### **2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế mà công ty thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động kinh doanh góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu bán hàng có thể là thu tiền ngay, cũng có thể chưa thu được (do các thoả thuận về thanh toán bán hàng) nhưng đã được khách hàng chấp thuận thanh toán thì đều được ghi nhận là doanh thu.

Mặt hàng kinh doanh của công ty là các loại máy biến tần và các thiết bị điện tự động khác. Doanh thu của công ty được cấu thành từ doanh thu bán hàng là các loại máy biến tần, các thiết bị điện tự động khác và doanh thu từ cung cấp dịch vụ sửa chữa cho khách hàng.

Phương thức bán hàng mà công ty áp dụng:

- ❖ Phương thức bán hàng trực tiếp: Khách hàng có thể đến công ty bán hàng trực tiếp hoặc có thể thanh toán trước tiền hàng, sau đó công ty sẽ chuyển hàng đến nơi khách hàng yêu cầu. Chi phí vận chuyển sẽ do hai bên thoả thuận.
- ❖ Phương thức bán hàng theo phương thức trả chậm: Khách hàng đến công ty mua hàng, hàng sẽ được chuyển đến nơi khách yêu cầu, và tiền hàng sẽ được trả trong một khoảng thời gian ngắn nhất định, do hai bên thoả thuận.

#### *2.2.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng.*

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng.
- Hóa đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ (Hóa đơn thông thường, hóa đơn GTGT). Hoá đơn GTGT bao gồm 3 liên:
  - Liên 1: Lưu tại quyền. (Màu tím)
  - Liên 2: Giao cho người nộp tiền. (Màu đỏ)
  - Liên 3: Luân chuyển nội bộ để ghi sổ kế toán. (Màu xanh)
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng),... và các chứng từ liên quan khác.

#### *2.2.1.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.*

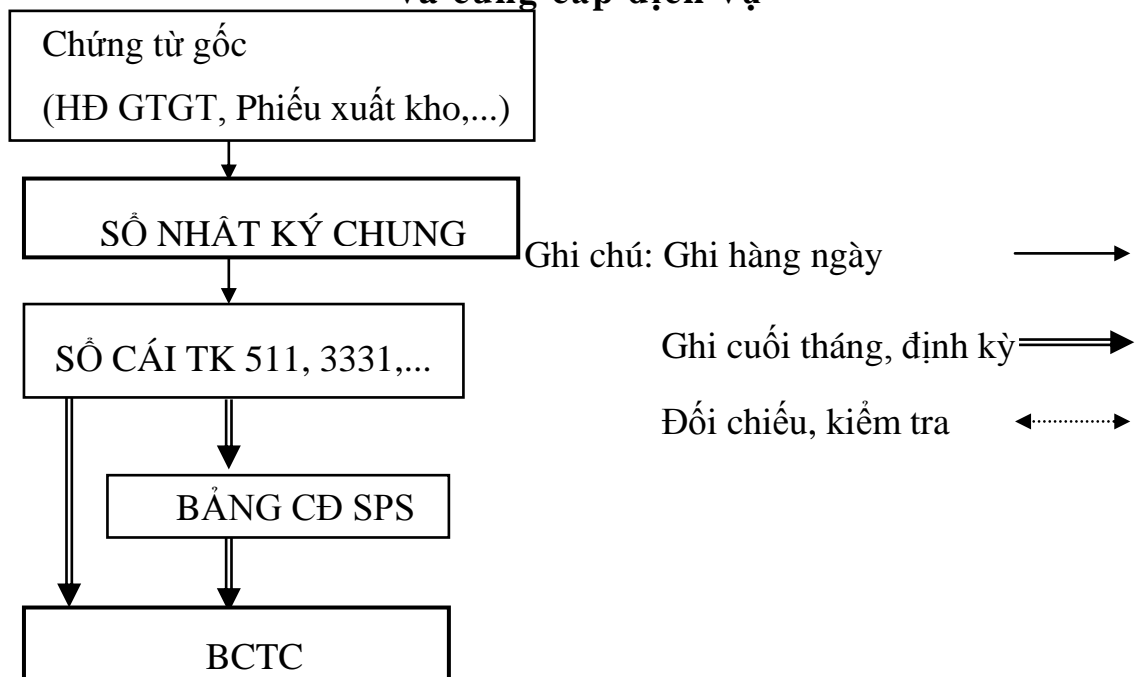
- ❖ Đề hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Kế toán sử dụng các tài khoản:
  - TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
  - TK 111, 112: Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng.
  - TK 131: Phải thu khách hàng.
  - TK 3331: Thuế GTGT phải nộp.
- ❖ Sổ sách sử dụng



- Sổ chi tiết bán hàng.
- Bảng kê bán hàng.
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ Cái TK 511, 632
- Bảng cân đối số phát sinh
- ❖ Hệ thống Báo cáo tài chính
- Bảng cân đối kế toán.
- Báo cáo kết quả kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính

### 2.2.1.3. Quy trình hạch toán.

#### Sơ đồ 25: Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Hàng ngày, căn cứ vào các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, nhân viên bán hàng trực tiếp lập các chứng từ. Nhân viên bán hàng lập hoá đơn GTGT, Phiếu xuất kho; Phiếu xuất kho được chuyển cho Thủ kho làm căn cứ xuất

hàng giao cho khách, đồng thời ghi Thẻ kho để theo dõi số lượng hàng nhập, xuất, tồn tại Công ty.

Cuối ngày, Nhân viên bán hàng chuyển toàn bộ hoá đơn GTGT và số tiền hàng thu được cho Thủ quỹ làm căn cứ ghi sổ quỹ và nhập quỹ tiền mặt. Sau đó, Thủ quỹ sẽ chuyển trả toàn bộ hoá đơn GTGT cho Kế toán. Kế toán tập hợp toàn bộ hoá đơn GTGT bán hàng, hoặc Hợp đồng mua bán... làm căn cứ ghi Sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào Sổ Nhật ký chung, Kế toán ghi Sổ Cái các tài khoản 511, 632, ... Cuối kỳ Kế toán tiến hành tổng hợp số liệu trên Sổ Cái lập Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo tài chính.

#### Ví dụ về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

**Ví dụ 2.1: Ngày 10/12/2012 bán 1 máy biến tần INVT CHV 180 cho công ty TNHH TM Phúc Lợi, giá bán cả thuế GTGT (10%) là 17.500.000 đồng. Thanh toán bằng tiền mặt.HĐ số 0001318.**

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế, Nhân viên bán hàng lập Phiếu xuất kho và hoá đơn GTGT số 0001318.

Sau đó, nhân viên bán hàng chuyển cho Kế toán trưởng và Giám đốc ký duyệt; đem Phiếu xuất kho đến cho Thủ kho làm thủ tục xuất hàng, ký nhận.

Sau khi khách hàng nhận hàng và thanh toán tiền, Nhân viên bán hàng giao cho khách hoá đơn GTGT liên 2, liên 1 lưu tại quyền, liên 3 sử dụng để ghi Sổ Nhật ký chung.

Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 08), kế toán ghi Sổ Cái TK 511 (Biểu số 09).

Cuối kỳ, cộng số liệu lập Bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo tài chính.

**Ví dụ 2.2: Ngày 15/12/2012 nhân viên công ty đến sửa máy biến tần cho công ty TNHH SX và TM Việt Long, khách hàng thanh toán bằng tiền mặt; chi phí sửa chữa hết 1.150.000 đồng (giá chưa thuế GTGT 10%);**

**trong đó tiền phí dịch vụ là 500.000 đồng và giá bán 1 thiết bị LCD keypad là 650.000 đồng. HĐ số 0001323.**

Nhân viên bán hàng lập Phiếu xuất kho và hoá đơn GTGT số 0001323

Sau đó, nhân viên bán hàng chuyển cho Kế toán trưởng và Giám đốc ký duyệt; đem Phiếu xuất kho đến cho Thủ kho làm thủ tục xuất hàng, ký nhận.

Sau khi khách hàng nhận hàng, Nhân viên bán hàng giao cho khách hàng hoá đơn GTGT liên 2, liên 1 lưu tại quyền, liên 3 dùng để ghi Sổ Nhật ký chung, và sổ chi tiết phải thu khách hàng.

Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 08), kế toán ghi Sổ Cái TK 511 (Biểu số 09).

Cuối kỳ, cộng số liệu lập Bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo tài chính.

**Biểu số 1: Phiếu xuất kho số 07/12**

<b>Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM &amp; DVKT HOÀNG GIA</b>				<b>Mẫu số 02-VT</b>			
<b>Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP</b>				(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)			
<b>PHIẾU XUẤT KHO</b>				Nợ	632		
Ngày 10 tháng 12 năm 2012				Có	156		
Số: 07/12							
Họ và tên người nhận hàng Phạm Thị Nga				Bộ phận: KTBH			
Lý do xuất kho: Xuất bán							
Xuất tại kho:				Địa điểm: Văn phòng công ty			
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Biển tần INVT CHV 180	INVT CHV 180	cái	1	1	12.757.576	12.757.576
<b>Cộng</b>				<b>1</b>	<b>1</b>	<b>12.757.576</b>	<b>12.757.576</b>
Tổng số tiền (viết bằng chữ)				Mười hai triệu bảy trăm lăm mươi bảy nghìn, lăm trăm bảy mươi sáu đồng chẵn			
Số chứng từ gốc kèm theo:				HD GTGT 0001318			
				Ngày 10 tháng 12 năm 2012			
<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nhận hàng</b>	<b>Thủ kho</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Giám đốc</b>			
Phạm Thị Nga	Phạm Thị Nga	Trần Thị Hậu	Trần Thị Hậu	Vũ Xuân Phúc			

**Biểu số 2: Hoá đơn giá trị gia tăng số 0001318.**

<b>HOÁ ĐƠN</b>		Mẫu số: 01GTKT/3LL
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Ký hiệu: AA/12P
Liên 3: Nội bộ		Số: 0001318
Ngày 10 tháng 12 năm 2012		
Đơn vị bán hàng:	CÔNG TY TNHH TM& DV HOÀNG GIA	
Địa chỉ:	60- NVL – LC – HP	
Số tài khoản:	MST : 0200655356	
Điện thoại:	MS	
Họ tên người mua:	Nguyễn Tuyết Mai	
Tên đơn vị:	Công ty TNHH TM Phúc Lợi	
Địa chỉ:	Hải Phòng	
Số tài khoản:		
Hình thức thanh toán: TM	MS	020038596

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Biển tần INVT CHV 180	Chiếc	1	15.909.091	15.909.091
Cộng tiền hàng					15.909.091
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		1.590.909
Tổng tiền thanh toán					17.500.000
Số tiền bằng chữ: Mười bảy triệu lăm trăm nghìn					
<b>Người mua hàng</b> Nguyễn Tuyết Mai		<b>Người bán hàng</b> Phạm Thị Nga		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> Vũ Xuân Phúc	

### Biểu số 3: Phiếu thu số 05/12.

<b>Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM &amp; DVKT HOÀNG GIA</b>		<b>Mẫu số 01-TT</b>		
<b>Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP</b>		(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)		
<b>PHIẾUTHU</b>		Quyển số:		
Ngày 10 tháng 12 năm 2012		Số:	PT 05/12	
		Nợ:	111	
		Có:	511, 3331	
Họ tên người nộp tiền:	Phạm Thị Nga			
Địa chỉ:	nhân viên công ty			
Lý do nộp:	Thu tiền bán hàng theo hoá đơn số 0001318			
Số tiền:	17.500.000 (viết bằng chữ)	Mười bảy triệu lăm trăm nghìn đồng chẵn		
Kèm theo:	chứng từ gốc			
Ngày 10 tháng 12 năm 2012				
<b>Giám đốc</b>	<b>KT trưởng</b>	<b>Người nộp tiền</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Thủ quỹ</b>
Vũ Xuân Phúc	Trần Thị Hậu	Phạm Thị Nga	Phạm Thị Nga	Nguyễn Văn Mạnh
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):		Mười bảy triệu lăm trăm nghìn đồng chẵn.		
Tỷ giá ngoại tệ:				
Số tiền quy đổi				

**Biểu số 4: Phiếu xuất kho số 13/12.**

<b>Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM &amp; DVKT HOÀNG GIA</b>				<b>Mẫu số 02-VT</b>			
<b>Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP</b>				(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)			
<b>PHIẾU XUẤT KHO</b>				Nợ	632		
Ngày 15 tháng 12 năm 2012				Có	156		
Số: 13/12							
Họ và tên người nhận hàng Phạm Thị Nga				Bộ phận: KTBH			
Lý do xuất kho: Xuất bán							
Xuất tại kho:				Địa điểm: Văn phòng công ty			
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	LCD keypad	LCD keypad	Chiếc	1	1	350.000	350.000
	<b>Cộng</b>			<b>1</b>	<b>1</b>	<b>350.000</b>	<b>350.000</b>
Tổng số tiền (viết bằng chữ)				Ba trăm lăm mươi nghìn đồng chẵn.			
Số chứng từ gốc kèm theo:				HĐ GTGT 0001323			
				Ngày 15 tháng 12 năm 2012			
<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nhận hàng</b>	<b>Thủ kho</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Giám đốc</b>			
Phạm Thị Nga	Phạm Thị Nga	Trần Thị Hậu	Trần Thị Hậu	Vũ Xuân Phúc			

**Biểu số 5: Hoá đơn GTGT số 0001323**

<b>HOÁ ĐƠN</b>		Mẫu số: 01GTKT/3LL
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Ký hiệu: AA/12P
Liên 3: Nội bộ		Số: 0001323
Ngày 15 tháng 12 năm 2012		
Đơn vị bán hàng:	CÔNG TY TNHH TM& DV HOÀNG GIA	
Địa chỉ:	60- NVL – LC – HP	
Số tài khoản:	MST: 0200655356	
Điện thoại:	MS	
Họ tên người mua:	Trần Minh	
Tên đơn vị:	Công ty TNHH SX và TM Việt Long	
Địa chỉ:	Hải Phòng	
Số tài khoản:		
Hình thức thanh toán: TM	MS	0201202937

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	LCD keypad	Chiếc	1	650.000	650.000
2	Chi phí dịch vụ sửa chữa			500.000	500.000
Cộng tiền hàng					1.150.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		115.000
Tổng tiền thanh toán					1.265.000
Số tiền bằng chữ: Một triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn					
<b>Người mua hàng</b> Trần Minh		<b>Người bán hàng</b> Phạm Thị Nga		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> Vũ Xuân Phúc	



## Biểu số 6: Phiếu thu số 08/12.

<b>Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM &amp; DVKT HOÀNG GIA</b>		<b>Mẫu số 01-TT</b>		
<b>Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP</b>		(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)		
<b>PHIẾUTHU</b>		Quyển số:		
Ngày 15 tháng 12 năm 2012		Số:	PT 08/12	
		Nợ:	111	
		Có:	511, 3331	
Họ tên người nộp tiền:	Phạm Thị Nga			
Địa chỉ:	nhân viên công ty			
Lý do nộp:	Thu tiền bán hàng theo hoá đơn số 0001323			
Số tiền: 1.265.000 (viết bằng chữ)	Một triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn			
Kèm theo:	chứng từ gốc			
Ngày 15 tháng 12 năm 2012				
<b>Giám đốc</b>	<b>KT trưởng</b>	<b>Người nộp tiền</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Thủ quỹ</b>
Vũ Xuân Phúc	Trần Thị Hậu	Phạm Thị Nga	Phạm Thị Nga	Nguyễn Văn Mạnh
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):	Một triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn.			
Tỷ giá ngoại tệ:				
Số tiền quy đổi				

**Biểu số 7: Trích Bảng kê bán hàng**

<b>Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM &amp; DVKT HOÀNG GIA</b> <b>Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP</b> <b>BẢNG KÊ BÁN HÀNG</b> Năm 2012							
STT	HĐ, CT		Khách hàng	Mã SP	DT chưa thuế GTGT	Thuế suất	Thuế GTGT
	SH	NT					
...	...	...	...	...	...	...	...
	HĐ 0001318	10/12	CT TNHH Phúc Lợi	INVT CHV 180	15.909.091	10%	1.590.909
...	...	...	...	...	...	...	...
	HĐ 0001321	12/12	CT TNHH Minh Khôi	INVT CHV 180	15.909.091	10 %	1.590.909
...	...	...	...	...	...	...	...
	HĐ 0001323	15/12	CT TNHH SX và TM Việt Long	LCD keypad	650.000	10%	65.000
	...	...	....	....	...	...	...
			<b>Cộng</b>		<b>5.003.176.659</b>		<b>500.317.666</b>
Ngày 31 tháng 12 năm 2012 Người ghi sổ Phạm Thị Nga					Kế toán trưởng Trần Thị Hậu		

**Biểu số 8: Trích Sổ Nhật ký chung.**

<p><b>Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM &amp; DVKT HOÀNG GIA      Mẫu số S03a- DN</b>  <b>Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP      (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC</b>                      ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC</p>								
<p><b>SỔ NHẬT KÝ CHUNG</b>                      Năm 2012</p>								
DVT: Đồng								
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT đòng	SHT K ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			<b>SỔ TRANG TRƯỚC CHUYỂN SANG</b>					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
5/12	HĐ 0001313	5/12	Bán hàng, thu bằng chuyển khoản	√		112	25.000.000	
				√		511		22.727.273
				√		333		2.272.727
...	...	...	...	...	...	...	...	...
10/12	HĐ 0001318	10/12	Bán hàng thu tiền mặt	√		111	17.500.000	
				√		511		15.909.091
				√		333		1.590.909
...	...	...	...	√	...	...	...	...
12/12	HĐ 0001321	12/12	Bán hàng.chưa thu tiền	√		131	17.500.000	
				√		511		15.909.091
				√		333		1.590.909
...	...	...	...	√	...	...	...	...
15/12	HĐ 0001323	15/12	Thay thế linh kiện cho CT TNHH SX và TM Việt Long	√		111	1.265.000	
				√		511		1.150.000
				√		333		115.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng chuyển sang trang</b>				<b>30.571.663.015</b>	<b>30.571.663.015</b>
Ngày 31 tháng 12 năm 2012								
<b>Người ghi sổ</b> Phạm Thị Nga			<b>KT trưởng</b> Trần Thị Hậu			<b>Giám đốc</b> Vũ Xuân Phúc		

## Biểu số 9: Trích Sổ Cái tài khoản 511.

<b>Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM &amp; DVKT HOÀNG GIA</b>		<b>Mẫu số S03b- DN</b>							
<b>Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP</b>		<b>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC</b>							
<b>ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC</b>									
<b>SỔ CÁI</b>									
(Hình thức NKC)									
Năm		2012							
Tên TK:		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ							
Số hiệu:		511							
ĐVT: Đồng									
NT GS	CT		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số tiền		
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có	
			<b><u>SDDK</u></b>						
...	...	...	...	...	...	...	...	...	
5/12	HD 0001313	5/12	Bán hàng thu bằng CK			112		22.727.273	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	
10/12	HD 0001318	10/12	Bán hàng thu tiền mặt			111		15.909.091	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	
12/12	HD 0001321	12/12	Bán hàng. chưa thu tiền			131		15.909.091	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	
15/12	HD 0001323	15/12	DT bán hàng và cung cấp dịch vụ			111		1.150.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	
31/12	PKT 04/12	31/12	K/c doanh thu			911	5.003.176.659		
			<b>Cộng SPS</b>				<b>5.003.176.659</b>	<b>5.003.176.659</b>	
			<b><u>SDCK</u></b>						
<b>Người ghi sổ</b> Phạm Thị Nga						<b>KT trưởng</b> Trần Thị Hậu		Ngày 31 tháng 12 năm 2012 <b>Giám đốc</b> Vũ Xuân Phúc	

## Biểu số 10: Trích Sổ Cái tài khoản 111.

<b>Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM &amp; DVKT HOÀNG GIA</b>						<b>Mẫu số: 03b- DN</b>		
<b>Đại chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- DHK- LC- HP</b>						<b>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)</b>		
<b>SỔ CÁI</b>								
(Hình thức NKC)								
Năm 2012								
Tên TK			Tiền mặt tại quỹ					
Số hiệu			111					
ĐVT: Đồng								
NT GS	CT		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>				<b><u>868.741.646</u></b>	
10/12	PT 05/12	10/12	BH thu TM			511	15.909.091	
						3331	1.590.909	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
11/12	PC 08/12	11/12	Thanh toán CP vận chuyển			642		210.000
						133		21.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
15/12	PT 08/12	15/12	BH và CCDV thu TM			511	1.150.000	
						333	150.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
21/12	PC 13/12	21/12	Chi thanh toán tiền điện thoại			642		267.800
						133		26.780
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng SPS</b>				<b>998.081.254</b>	<b>1.621.372.502</b>
			<b><u>SDCK</u></b>				<b><u>245.450.398</u></b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2012								
<b>Người ghi sổ</b>			<b>KT trưởng</b>			<b>Giám đốc</b>		
Phạm Thị Nga			Trần Thị Hậu			Vũ Xuân Phúc		

## Biểu số 11: Trích Sổ Cái tài khoản 3331.

<b>Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM &amp; DVKT HOÀNG GIA</b>		<b>Mẫu số S03b- DN</b>						
<b>Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP</b>		<b>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC</b>						
<b>SỔ CÁI</b>								
(Hình thức NKC)								
Năm		2012						
Tên TK:		Thuế GTGT phải nộp						
Số hiệu:		3331						
ĐVT: Đồng								
NT GS	CT		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<b><u>SĐĐK</u></b>					=
...	...	...	...	...	...	...	...	...
5/12	HĐ 0001313	5/12	Bán hàng thu bằng CK			112		2.272.727
...	...	...	...	...	...	...	...	...
10/12	HĐ 0001318	10/12	Bán hàng thu tiền mặt			111		1.590.909
...	...	...	...	...	...	...	...	...
12/12	HĐ 0001321	12/12	Bán hàng chưa thu tiền			131		1.590.909
...	...	...	...	...	...	...	...	...
15/12	HĐ 0001323	15/12	DT bán hàng và cung cấp dịch vụ			111		115.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 09/12	31/12	K/c thuế GTGT			133	500.317.666	
			<b>Cộng SPS</b>				<b>500.317.666</b>	<b>500.317.666</b>
			<b><u>SDCK</u></b>					=
<b>Người ghi sổ</b>						Ngày 31 tháng 12 năm 2012		
Phạm Thị Nga						<b>KT trưởng</b>		
						Trần Thị Hậu		
						<b>Giám đốc</b>		
						Vũ Xuân Phúc		

### 2.2.2. *Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.*

Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia không có các khoản giảm trừ doanh thu do:

- Công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.
- Sản phẩm của công ty không thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.
- Sản phẩm của công ty chỉ tiêu thụ trong nước nên không chịu thuế XK.
- Công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

### 2.2.3. *Kế toán giá vốn hàng bán.*

Trị giá vốn hàng bán của công ty bao gồm: trị giá mua thực tế + chi phí thu mua.

Giá vốn hàng bán của công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia được tính theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

*Trị giá hàng xuất kho = Lượng hàng hoá xuất kho \* Giá đơn vị xuất kho.*

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị bình quân gia quyền liên} \\ \text{hoàn sau lần nhập i} \end{array} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập i}}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập i}}$$

#### 2.2.3.1. *Chứng từ kế toán sử dụng.*

- Phiếu xuất kho
- Hoá đơn giá trị gia tăng.

#### 2.2.3.2. *Tài khoản và sổ sách sử dụng.*

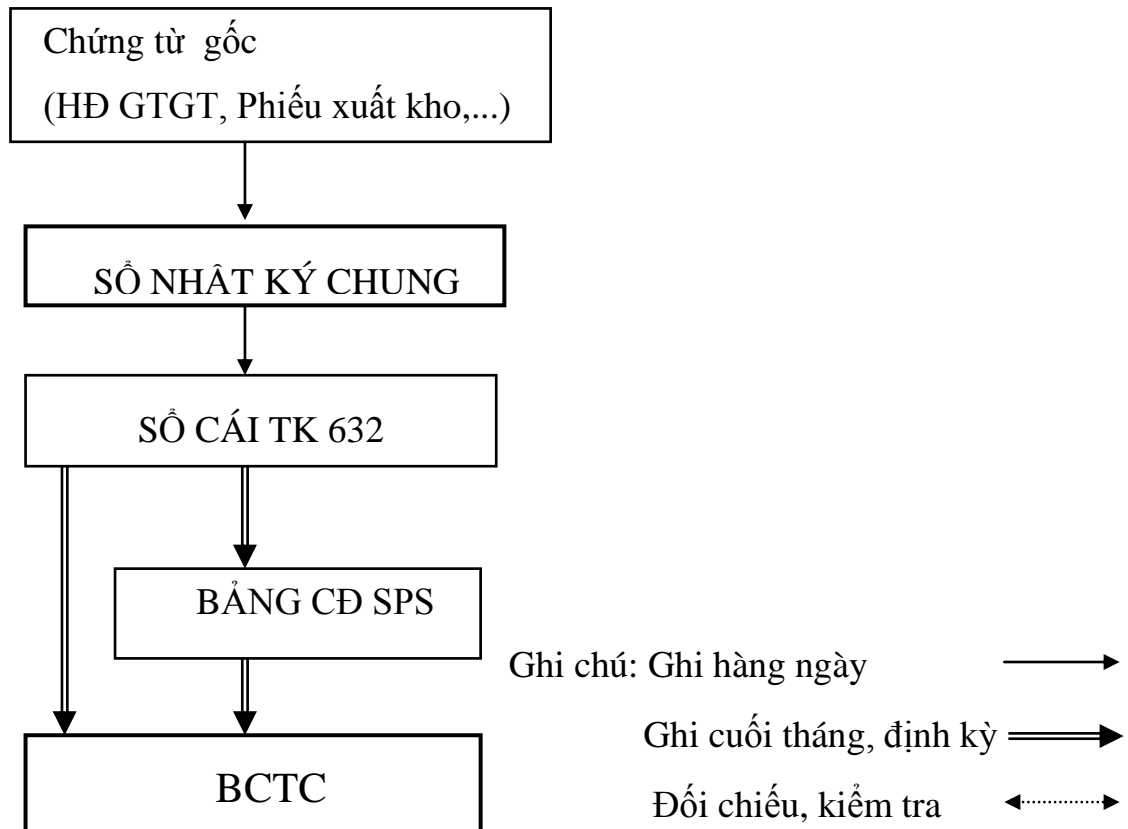
❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 632: Giá vốn hàng bán.
- TK 156: Hàng hoá.

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ chi tiết hàng hoá.
- Sổ Nhật ký chung,
- Sổ Cái TK 632, TK 156.

2.2.3.3. Quy trình hạch toán.



Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ phát sinh, Kế toán sẽ ghi vào Sổ Nhật ký chung, và từ số liệu trên Sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ Cái TK 632.

Cuối kỳ, cộng số liệu lập Bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo tài chính.



Ví dụ về hạch toán giá vốn hàng bán.

**Ví dụ 2.3 (Minh hoạ tiếp nghiệp vụ giá vốn của ví dụ 2.1):**

**Ngày 10/12/2012 bán 1 máy biến tần INVT CHV 180 cho công ty TNHH TM Phúc Lợi, giá bán cả thuế GTGT (10%) là 17.500.000 đồng. Giá vốn là 12.757.576 đồng. Thanh toán bằng tiền mặt. HĐ số 0001318.**

Căn cứ vào số lượng hàng ghi trên hoá đơn GTGT số 0001318, Kế toán ghi vào sổ chi tiết hàng hoá.

Ngày 5/12 nhập 2 máy biến tần INVT CHV180, trị giá tiền hàng là 26.000.000 đ. Tồn đầu tháng là 1 cái, trị giá 12.272.727 đồng

Đơn giá xuất kho =  $(12.272.727 + 26.000.000) / 3 = 12.757.576$  đồng

Căn cứ số liệu ghi trên bảng kê bán hàng, kế toán vào Sổ Nhật ký chung (biểu số 14), Sổ Cái TK 632 (biểu số 15).

Cuối kỳ, cộng số liệu lập Bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo tài chính.

**Ví dụ 2.4:**

**Ngày 13/12/2012 bán 1 máy biến tần INVT CHF 100A cho công ty TNHH Cơ khí Việt Nhật, khách hàng chưa thanh toán; giá bán cả thuế GTGT (10%) là 36.800.000 đồng. Giá vốn là 29.023.128 đồng. HĐ số 0001322.**

Căn cứ vào số liệu ghi trên hoá đơn GTGT số 0001322, kế toán tiến hành ghi vào sổ chi tiết hàng hoá

Tồn đầu tháng của máy biến tần INVT CHF 100A là 2 cái, trị giá 28.965.784 đồng/ cái.

Ngày 10/12 công ty nhập vào 1 máy biến tần INVT CHF 100A với đơn giá 29.137.817 đồng.

Tính đơn giá xuất kho:  $(28.965.784 * 2 + 29.137.817) / 3 = 29.023.128$  đồng

Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung (biểu số 14), kế toán ghi Sổ Cái TK 632 (biểu số 15).

Cuối kỳ, cộng số liệu lập Bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo tài chính.

**Biểu số 12: Phiếu xuất kho số 07/12.**

<b>Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM &amp; DVKT HOÀNG GIA</b>				<b>Mẫu số 02-VT</b>			
<b>Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP</b>				(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)			
<b>PHIẾU XUẤT KHO</b>				Nợ	632		
Ngày 10 tháng 12 năm 2012				Có	156		
Số: 07/12							
Họ và tên người nhận hàng Phạm Thị Nga				Bộ phận: KTBH			
Lý do xuất kho: Xuất bán							
Xuất tại kho:				Địa điểm: Văn phòng công ty			
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Biển tần INVT CHV 180	INVT CHV 180	cái	1	1	12.757.576	12.757.576
<b>Cộng</b>				<b>1</b>	<b>1</b>	<b>12.757.576</b>	<b>12.757.576</b>
Tổng số tiền (viết bằng chữ)				Mười hai triệu bảy trăm lăm mươi bảy nghìn, lăm trăm bảy mươi sáu đồng chẵn			
Số chứng từ gốc kèm theo:				HĐ GTGT 0001318			
				Ngày 10 tháng 12 năm 2012			
<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nhận hàng</b>	<b>Thủ kho</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Giám đốc</b>			
Phạm Thị Nga	Phạm Thị Nga	Trần Thị Hậu	Trần Thị Hậu	Vũ Xuân Phúc			

### Biểu số 13: Phiếu xuất kho số 10/12

<b>Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM &amp; DVKT HOÀNG GIA</b>				<b>Mẫu số 02-VT</b>			
<b>Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP</b>				(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)			
<b>PHIẾU XUẤT KHO</b>				Nợ	632		
Ngày 13 tháng 12 năm 2012				Có	156		
Số: 10/12							
Họ và tên người nhận hàng Phạm Thị Nga				Bộ phận:		KTBH	
Lý do xuất kho: Xuất bán							
Xuất tại kho:				Địa điểm:		Văn phòng công ty	
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Biên tần INVT CHF 100A	INVT CHF 100A	cái	1	1	29.023.128	29.023.128
<b>Cộng</b>				<b>1</b>	<b>1</b>	<b>29.023.128</b>	<b>29.023.128</b>
Tổng số tiền (viết bằng chữ)				Hai mươi chín triệu không trăm hai mươi ba nghìn một trăm hai mươi tám đồng			
Số chứng từ gốc kèm theo:				HĐ GTGT 0001322			
				Ngày 13 tháng 12 năm 2012			
<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nhận hàng</b>	<b>Thủ kho</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Giám đốc</b>			
Phạm Thị Nga	Phạm Thị Nga	Trần Thị Hậu	Trần Thị Hậu	Vũ Xuân Phúc			

## Biểu số 14: Trích Sổ Nhật ký chung

<b>Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM &amp; DVKT HOÀNG GIA</b>				<b>Mẫu số: S03a- DN</b>				
<b>Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP</b>				<b>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC</b>				
<b>SỔ NHẬT KÝ CHUNG</b>								
Năm 2012								
ĐVT: Đồng								
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT dòng	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			<b>Số trang trước chuyển sang</b>					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
10/12	PX 07/12	10/12	Xuất kho bán	√		632	12.757.756	
				√		156		12.757.756
10/12	HD 0001318	10/12	Bán hàng thu tiền mặt	√		111	17.500.000	
				√		511		15.909.091
				√		333		1.590.909
...	...	...	...	...	...	...	...	...
13/12	PX 10/12	13/12	Xuất kho bán	√		632	29.023.128	
				√		156		29.023.128
13/12	HD 0001322	13/12	Bán hàng chưa thu tiền	√		131	36.800.000	
				√		511		33.454.545
				√		333		3.345.455
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 05/12	31/12	Kc giá vốn hàng bán	√		911	4.521.386.553	
				√		632		4.521.386.553
			<b>Cộng chuyển sang trang</b>				<b>30.571.663.015</b>	<b>30.571.663.015</b>
Ngày 31 tháng 12 năm 2012								
<b>Người ghi sổ</b> Phạm Thị Nga			<b>KT Trưởng</b> Trần Thị Hậu			<b>Giám đốc</b> Vũ Xuân Phúc		

## Biểu số 15: Trích Sổ Cái tài khoản 632.

<b>Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM &amp; DVKT HOÀNG GIA</b>			<b>Mẫu số S03b- DN</b>					
<b>Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP</b>			(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)					
<b>SỔ CÁI</b>								
(Hình thức NKC)								
Năm 2012								
Tên TK: Giá vốn hàng bán								
Số hiệu: 632								
ĐVT: Đồng								
NT GS	CT		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
10/12	PX 07/12	10/12	Xuất kho bán			156	12.757.576	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
13/12	PX 10/12	13/12	Xuất kho bán			156	29.023.128	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 05/12	31/12	K/c GVHB			911		4.521.386.553
			<b>Cộng SPS</b>				<b>4.521.386.553</b>	<b>4.521.386.553</b>
			<b><u>SDCK</u></b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2012								
<b>Người ghi sổ</b>		<b>KT trưởng</b>		<b>Giám đốc</b>				
Phạm Thị Nga		Trần Thị Hậu		Vũ Xuân Phúc				

### 2.2.4. KẾ TOÁN CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP.

Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Hoàng Gia áp dụng QĐ 15/QĐ- BTC nhưng không sử dụng tài khoản 641; mà hạch toán tất cả các khoản chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng và quản lý doanh nghiệp vào TK 642.

Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia là những chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý điều hành chung của công ty, bao gồm:

- Chi phí lương nhân viên quản lý.
- Chi phí đồ dùng văn phòng.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- Chi phí khấu hao TSCĐ.
- Các chi phí bằng tiền khác.

Tại công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia không sử dụng TK 641 mà mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc bán hàng đều được hạch toán vào TK cấp 2 của TK 642.

❖ TK sử dụng là TK 642. TK 642 có 2 TK cấp 2 là :

- TK 6421 – Chi phí bán hàng. Do công ty chưa có bộ phận bán hàng riêng biệt, kế toán bán hàng đóng vai trò là người bán hàng nên các chi phí phát sinh chủ yếu liên quan đến việc bán hàng hầu như là rất ít. Vì vậy công ty không sử dụng TK 641 mà hạch toán luôn vào TK 6421.

- TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí có liên quan chung tới toàn bộ hoạt động quản lý điều hành chung của công ty. Tất cả nhân viên trong công ty đều là nhân viên quản lý, đồ dùng, vật liệu tài sản của công ty cũng chiếm đa phần cho việc phục vụ quản lý chung.

#### *2.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng.*

- Hoá đơn GTGT.
- Phiếu chi, giấy báo có.
- Bảng lương, bảng phân bổ khấu hao.
- Các chứng từ khác có liên quan.

#### *2.2.4.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.*

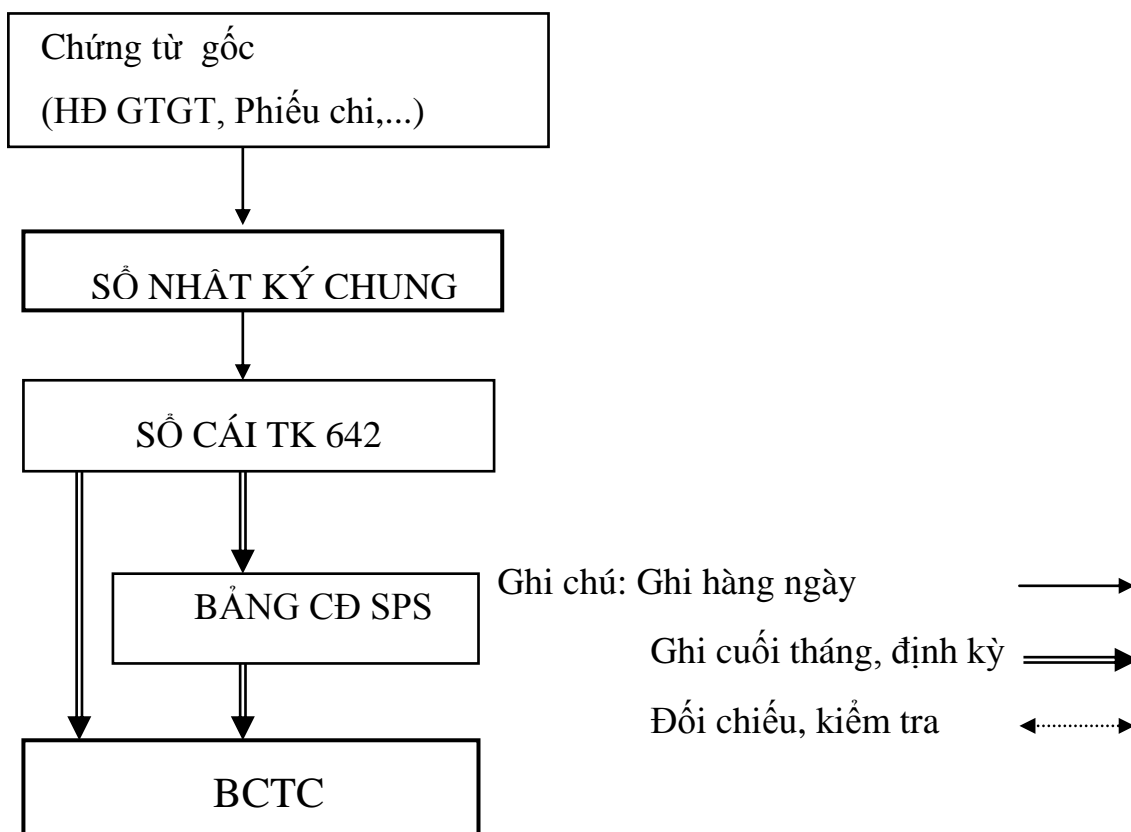
❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ Cái TK 642, 111, 131,...

### 2.2.4.3. Quy trình hạch toán.



Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ (HD GTGT, Phiếu chi,...) kế toán hạch toán nghiệp vụ vào Sổ Nhật ký chung.

Căn cứ số liệu trên Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi Sổ Cái TK 642.

Cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái TK 642 để lập Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo tài chính.

Ví dụ về hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

**Ví dụ 2.5: Ngày 11/12/2012 Công ty chi trả tiền vận chuyển cho công ty CP TM và VT Phúc An Hưng theo hoá đơn GTGT số 0001821.**

Từ HĐ GTGT số 0001821, Kế toán viết Phiếu chi số 08/12

Từ các chứng từ trên, kế toán vào Sổ Nhật ký chung (biểu số 20), Sổ Cái TK 642 (biểu số 21).

**Ví dụ 2.6 : 21/12 Chi thanh toán tiền điện thoại tháng 11.**

Từ hoá đơn dịch vụ viễn thông số 1293875, kế toán vào Sổ Nhật ký chung (biểu số 20), Sổ Cái TK 642 (biểu số 21).



**Biểu số 16: Hoá đơn GTGT số 0001821.**

<b>HOÁ ĐƠN</b>		Mẫu số: 01GTKT/003	
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Ký hiệu: AA/12P	
Liên 2: Giao khách hàng		Số: 0001821	
Ngày 11 tháng 12 năm 2012			
Đơn vị bán hàng:	CP TM VÀ VT PHÚC AN HƯNG		.....
Địa chỉ:	20/199 Tô Hiệu- Lê Chân- HP		.....
Số tài khoản:	0200787546		.....
Điện thoại:	MS		
Họ tên người mua:	Nguyễn Văn Biên		
Tên đơn vị:	Công ty TNHH TM & DV KT Hoàng Gia		
Địa chỉ:	Hải Phòng		
Số tài khoản:			
Hình thức thanh toán	Tiền mặt	MS	0200655356

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Phí vận chuyển hàng				210.000
<b>Cộng tiền hàng</b>					210.000
<b>Thuế suất thuế GTGT: 10%</b>			<b>Tiền thuế GTGT:</b>		21.000
<b>Tổng tiền thanh toán</b>					231.000
Số tiền bằng chữ: Hai trăm ba mươi một nghìn đồng chẵn					
<b>Người mua hàng</b>		<b>Người bán hàng</b>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	
Nguyễn Văn Biên		Lê Thị Mai		Nguyễn Bảo Long	

**Biểu số 17: Phiếu chi số 08/12.**

<b>Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM &amp; DVKT HOÀNG GIA</b>	<b>Mẫu số 02-TT</b>			
<b>Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP</b>	(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)			
<b>PHIẾU CHI</b>	Quyển số:			
Ngày 11 tháng 12 năm 2012	Số: PC 08/12			
	Nợ: 642, 133			
	Có: 111			
Họ tên người nhận tiền:	Phạm Thị Nga			
Địa chỉ:	Nhân viên công ty			
Lý do chi:	Thanh toán CP vận chuyển cho công ty CP TM VÀ VT PHÚC AN HƯNG			
Số tiền: 231.000 (viết bằng chữ)	Hai trăm ba mươi một nghìn đồng chẵn			
Kèm theo:	HĐ GTGT số 0001821 chứng từ gốc			
	Ngày 11 tháng 12 năm 2012			
<b>Giám đốc</b>	<b>KT trưởng</b>	<b>Người nhận tiền</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Thủ quỹ</b>
Vũ Xuân Phúc	Trần thị Hậu	Phạm Thị Nga	Phạm Thị Nga	Nguyễn Văn Mạnh
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):		Hai trăm ba mươi một nghìn đồng chẵn.		
Tỷ giá ngoại tệ:				
Số tiền quy đổi				

## Biểu số 18: Hoá đơn dịch vụ viễn thông

<b>HOÁ ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)</b>	Mẫu số: 01GTKT2/2001	VT01	
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)	Ký hiệu (Serial No) :AB/12P		
Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)	Số (No) 1293875		
Mã số thuế: 0200287977			
Viễn thông Hải Phòng			
Địa chỉ: Số 5- Nguyễn Tri Phương- Hồng Bàng Hải Phòng			
Tên khách hàng: Công ty tự động hoá Hoàng Gia			
Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- Dư Hàng Kênh- Lê Chân- Hải Phòng			
Số điện thoại: 3500285	Mã số		
Hình thức thanh toán TM/CK	MST 02 00655356		
<b>STT</b>	<b>DỊCH VỤ SỬ DỤNG</b>	<b>ĐVT SL ĐƠN GIÁ</b>	<b>THÀNH TIỀN</b>
	Kỳ cước tháng 11/2012		
	a. Cước dịch vụ viễn thông		267.800
	b. Cước dịch vụ viễn thông không thuế		0
	c. Chiết khấu + Đa dịch vụ		0
	d. Khuyến mại		0
	e. Trừ tiền đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ		0
	Cộng tiền dịch vụ		267.800
Thuế suất GTGT : 10%	Tiền thuế GTGT		26.780
	Tổng cộng tiền thanh toán		294.580
Số tiền viết bằng chữ	Hai trăm chín mươi tư nghìn, lăm trăm tám mươi đồng		
	Ngày 18 tháng 12 năm 2012		
Người nộp tiền ký	Nhân viên giao dịch ký		

## Biểu số19: Phiếu chi số 13/12.

<b>Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM &amp; DVKT HOÀNG GIA</b>	<b>Mẫu số 02-TT</b>			
<b>Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP</b>	(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)			
<b>PHIẾU CHI</b>				
Quyển số:				
Ngày 21 tháng 12 năm 2012	Số: PC 13/12			
	Nợ: 642, 133			
	Có: 111			
Họ tên người nhận tiền:	Phạm Thị Nga			
Địa chỉ:	Nhân viên công ty			
Lý do chi:	Chi thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2012			
Số tiền: 294.580 (viết bằng chữ)	Hai trăm chín mươi tư nghìn năm trăm tám mươi đồng			
Kèm theo:	Hoá đơn dịch vụ viễn thông chứng từ gốc			
Ngày 21 tháng 12 năm 2012				
<b>Giám đốc</b>	<b>KT trưởng</b>	<b>Người nhận tiền</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Thủ quỹ</b>
Vũ Xuân Phúc	Trần thị Hậu	Phạm Thị Nga	Phạm Thị Nga	Nguyễn Văn Mạnh
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):		Hai trăm chín mươi tư nghìn năm trăm tám mươi đồng		
Tỷ giá ngoại tệ:				
Số tiền quy đổi				

**Biểu số 20: Trích Sổ Nhật ký chung.**

<b>Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM &amp; DVKT HOÀNG GIA</b> <b>Mẫu số S03a- DN</b>								
<b>Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP</b> (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)								
<b>SỔ NHẬT KÝ CHUNG</b>								
Năm 2012								
ĐVT: Đồng								
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT đồng	SHT K ĐƯ'	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			<b><u>Số trang trước</u></b> <b><u>chuyển sang</u></b>					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
11/12	PC 08/12	11/12	Thanh toán chi phí vận chuyển cho công ty Phúc An Hưng	√		6421	210.000	
				√		133	21.000	
				√		111		231.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
21/12	PC 13/12	21/12	Thanh toán tiền điện thoại tháng 11	√		6422	267.800	
				√		133	26.780	
				√		111		294.580
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 01/12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12	√		6422	8.419.861	
				√		214		8.419.861
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 06/12	31/12	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	√		911	381.066.271	
				√		642		381.066.271
...	...	...	...	√	...	...	...	...
			<b>Cộng chuyển sang trang</b>				<b>30.571.663.015</b>	<b>30.571.663.015</b>
Ngày 31 tháng 12 năm 2012								
<b>Người ghi sổ</b> Phạm Thị Nga			<b>KT trưởng</b> Trần Thị Hậu			<b>Giám đốc</b> Vũ Xuân Phúc		

## Biểu số21: Trích Sổ Cái tài khoản 642.

<b>Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM &amp; DVKT HOÀNG GIA</b>		<b>Mẫu số: S03b- DN</b>						
<b>Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- Lê Chân- HP</b>		<b>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)</b>						
<b>SỔ CÁI</b>								
(Hình thức NKC)								
Năm		2012						
Tên TK		Chi phí quản lý doanh nghiệp						
Số hiệu		642						
		ĐVT						
		Đồng						
NT GS	CT		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	Đòng		Nợ	Có
			<b>SĐĐK</b>					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
11/12	PC 08/12	11/12	Thanh toán chi phức cho Cty Phúc An Hưng			111	210.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
21/12	PC 13/12	21/12	Thanh toán tiền điện thoại tháng 11			111	267.800	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 01/12	31/12	Trích KH TSCĐ tháng 12			214	8.363.588	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 05/12	31/12	K/c CP QLDN			911		381.066.271
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng SPS</b>				<b>381.066.271</b>	<b>381.066.271</b>
			<b>SDCK</b>					
				Ngày 31 tháng 12 năm 2012				
<b>Người ghi sổ</b>		<b>KT Trưởng</b>		<b>Giám đốc</b>				
Phạm Thị Nga		Trần Thị Hậu		Vũ Xuân Phúc				

## **2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.**

### **2.2.5.1. Chứng từ kế toán sử dụng.**

Doanh thu hoạt động tài chính được công ty Hoàng Gia sử dụng để phán ánh phần lãi tiền gửi ngân hàng được hưởng. Các chứng từ sử dụng bao gồm:

- Giấy báo có của ngân hàng
- Sổ phụ và bảng kê ngân hàng.
- Các chứng từ khác...

Chi phí tài chính được công ty sử dụng để phán ánh chi phí lãi vay, ...các chứng từ sử dụng bao gồm:

- Giấy báo nợ của ngân hàng, ...

### **2.2.5.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.**

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính.
- TK 635- Chi phí tài chính.
- Các tài khoản khác có liên quan: TK 112,...

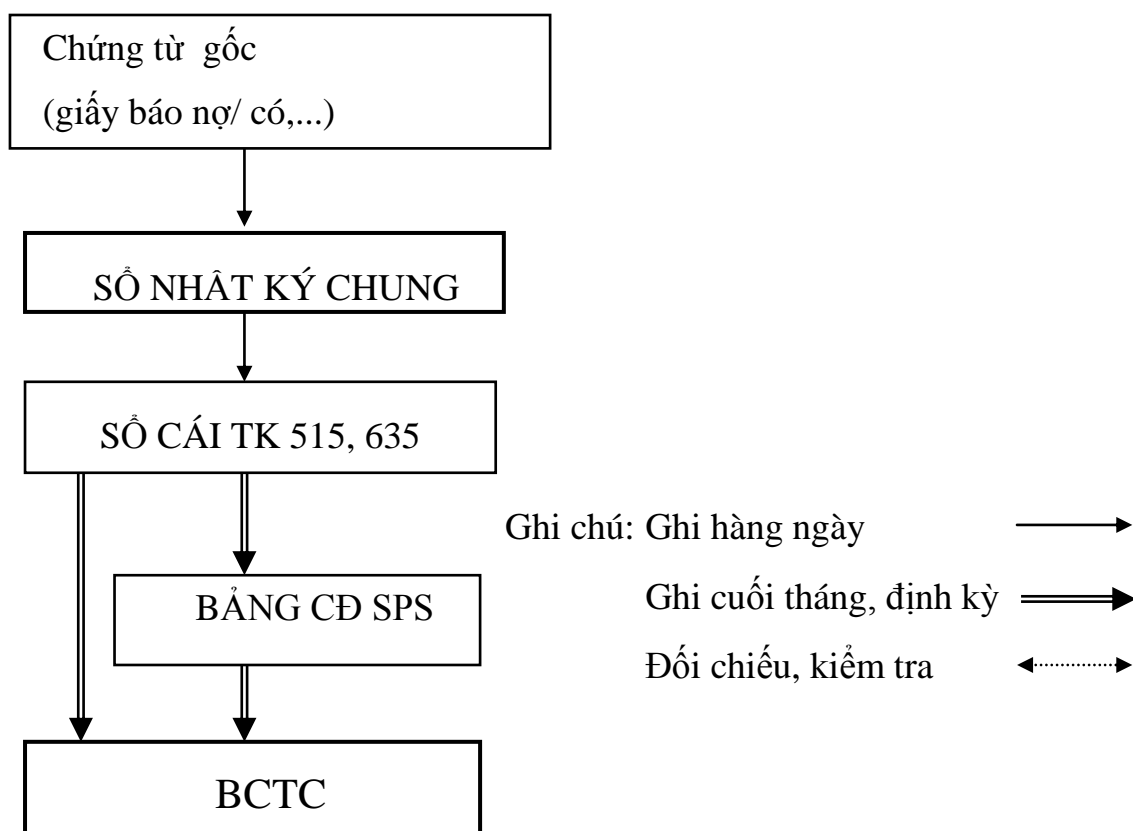
❖ Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 515, 635

### **2.2.5.3. Quy trình hạch toán.**

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc phát sinh, Kế toán vào Sổ Nhật ký chung và Sổ Cái TK 515, 635 đồng thời theo dõi Sổ tiền gửi ngân hàng.

Cuối kỳ, tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí hoạt động tài chính để xác định kết quả kinh doanh và lập Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo tài chính



Ví dụ về hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

Trong năm 2012, công ty không phát sinh nghiệp vụ nào liên quan đến chi phí tài chính, nên không sử dụng TK 635.

**Ví dụ 2.7: Ngày 21/12 Công ty nhận được giấy báo Có số 000562 của ngân hàng Vietcombank về khoản lãi tiền gửi được nhận. Số tiền 78.568 đồng.**

Căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng, Kế toán vào Sổ Nhật ký chung (biểu số 24), Sổ Cái TK 515 (biểu số 25). Cuối kỳ, tổng hợp số phát sinh xác định kết quả kinh doanh và lập Bảng cân đối số phát sinh, lập Báo cáo tài chính.



**Biểu số22: Giấy báo Có số 000562**



**Vietcombank**

**GIẤY BÁO CÓ**

**11 - Hoàng Diệu-HB-HP**

Ngày 21/12/2012

Mã GDV

Mã

HSKH 4931407

Số GD: 000562

Kính gửi: Công ty TNHH TM & DVKT Hoàng Gia

MST 200655356

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau

Số TK ghi có 31000133583

Số tiền bằng số 78.568

Số tiền bằng chữ Bảy mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng

Nội dung Lãi tiền gửi ngân hàng.

Giao dịch viên

Kiểm soát

### Biểu số 23: Trích sổ tiền gửi ngân hàng.

<b>Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM &amp; DVKT HOÀNG GIA</b>		<b>Mẫu số S08- DN</b>						
<b>Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP</b>		<b>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC</b>						
<b>ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC</b>								
<b>SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG</b>								
Nơi mở TK giao dịch:		Vietcombank						
SHTK tại nơi giao dịch:		0031000133583						
<b>ĐVT: Đồng</b>								
NT GS	CT		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền			Ghi chú
	SH	NT			Thu	Chi	Tồn	
			<b><u>SDDK</u></b>				<b><u>162.003.160</u></b>	
...	...	...	...	...	...	...	...	
13/12	GRTV0 024	13/12	Rút TGNH về nhập quỹ	111		40.000.000	69.765.322	
...	...	...	...	...	...	...	...	
21/12	GBC 000562	21/12	Lãi tiền gửi.	515	78.568			
...			...			...	...	
			<b>Cộng SPS</b>		<b>2.567.098.976</b>	<b>1.983.330.158</b>		
			<b><u>SDCK</u></b>				<b><u>745.771.978</u></b>	
				Ngày 31 tháng 12 năm 2012				
<b>Người ghi sổ</b>		<b>KT trưởng</b>		<b>Giám đốc</b>				
Phạm Thị Nga		Trần Thị Hậu		Vũ Xuân Phúc				



## Biểu số 25: Trích Sổ Cái TK 515.

<b>Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM &amp; DVKT HOÀNG GIA</b>		<b>Mẫu số S03b- DN</b>						
<b>Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP</b>		(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)						
<b>SỔ CÁI</b>								
(Hình thức NKC)								
Năm		2012						
Tên TK:		Doanh thu hoạt động tài chính						
Số hiệu:		515						
ĐVT: Đồng								
NT GS	CT		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
21/12	GBC 000562	21/12	Thu lãi tiền gửi NH			112		78.568
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 04/12	31/12	K/c doanh thu HĐTC			911	2.001.152	
			<b>Cộng SPS</b>				<b>2.001.152</b>	<b>2.001.152</b>
			<b><u>SDCK</u></b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2012								
<b>Người ghi sổ</b>		<b>KT trưởng</b>		<b>Giám đốc</b>				
Phạm Thị Nga		Trần Thị Hậu		Vũ Xuân Phúc				

### 2.2.6. KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.

#### 2.2.6.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia xác định kết quả kinh doanh vào cuối năm. Công thức xác định kết quả kinh doanh của công ty :

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Kết quả hoạt động kinh doanh} + \text{Kết quả hoạt động tài chính} + \text{Kết quả hoạt động khác}$$

Trong đó:

Kết quả hoạt động kinh doanh :

**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** = **Lợi nhuận gộp** - **Chi phí bán hàng** - **Chi phí hoạt động kinh doanh**

**Lợi nhuận gộp** = **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** - **Giá vốn hàng bán**

Kết quả hoạt động tài chính:

**Lợi nhuận hoạt động tài chính** = **Doanh thu hoạt động tài chính** - **Chi phí tài chính**

Kết quả hoạt động khác:

**Lợi nhuận khác** = **Doanh thu khác** - **Chi phí khác**

Từ các công thức trên và số liệu được tổng hợp, Kế toán tính và xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh của công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia năm 2012.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ = 5.003.176.659 đồng

Các khoản giảm trừ doanh thu = 0 đồng

Doanh thu thuần = 5.003.176.659 đồng

Giá vốn hàng bán = 4.521.386.553 đồng

Lợi nhuận gộp = 481.790.106 đồng

Doanh thu hoạt động tài chính = 2.001.152 đồng

Chi phí tài chính = 0 đồng

Chi phí quản lý doanh nghiệp = 381.066.271 đồng

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = 102.724.987 đồng

Lợi nhuận kế toán trước thuế = 102.724.987 đồng

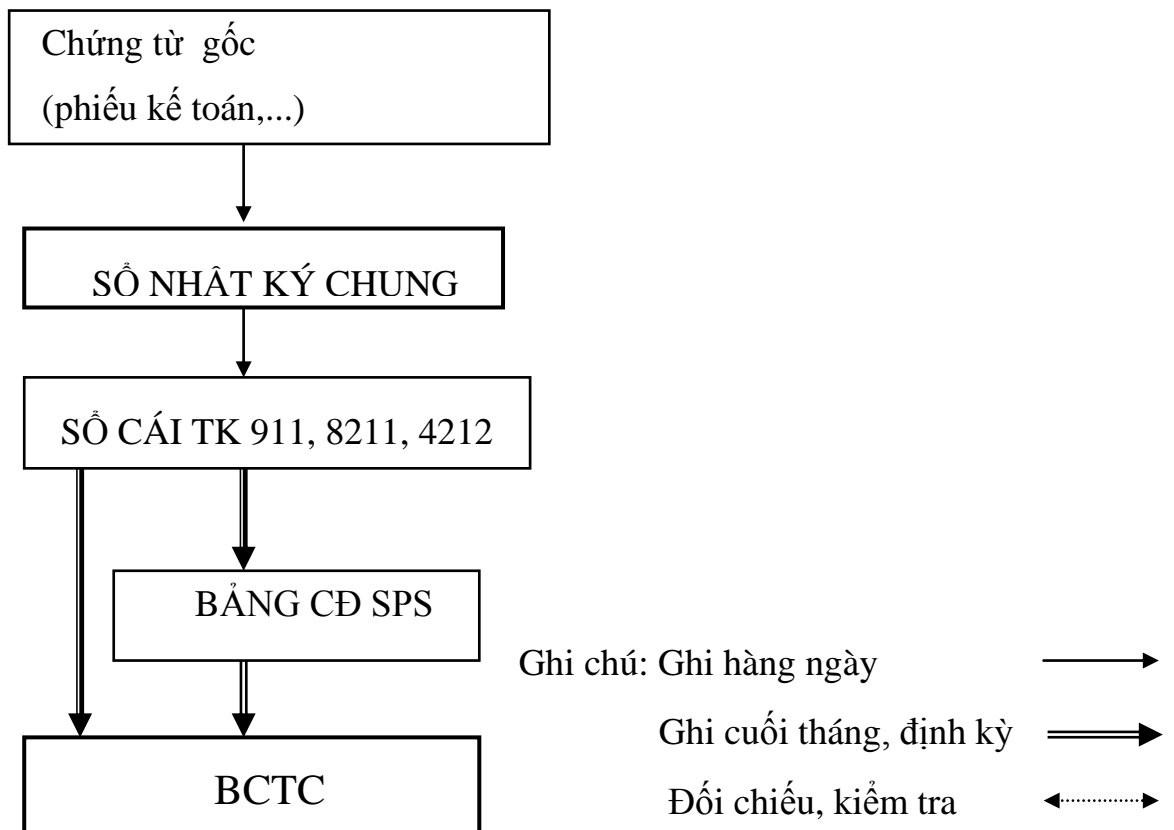
Thuế thu nhập doanh nghiệp = 102.724.987 \* 25% \* (100% - 30%)

= 17.976.873 đồng

Lợi nhuận sau thuế TNDN=102.724.987-17.976.873 =84.748.114 đồng

2.2.6.2. Chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán sử dụng.

- ❖ Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán.
- ❖ Tài khoản sử dụng :
  - TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.
  - TK 8211- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
  - TK 4212- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.
- ❖ Sổ sách kế toán sử dụng:
  - Sổ Nhật ký chung,
  - Sổ Cái TK 911, 8211, 4212.



**Biểu số 26: Phiếu kế toán số 04/12**

<b>Đơn vị: Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia</b> <b>Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP</b> <b>PHIẾU KẾ TOÁN</b> Ngày 31 tháng 12 năm 2012 Số: 04/12 <p style="text-align: right;">ĐVT: Đồng</p>				
<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Số tiền</b>
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	5.003.176.659
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	2.001.152
	<b>Cộng</b>			<b>5.005.177.811</b>
<b>Người lập</b> Phạm Thị Nga		<b>KT trưởng</b> Trần Thị Hậu		

**Biểu số 27: Phiếu kế toán số 05/12.**

<b>Đơn vị: Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia</b> <b>Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP</b> <b>PHIẾU KẾ TOÁN</b> Ngày 31 tháng 12 năm 2012 Số: 05/12 <p style="text-align: right;">ĐVT: Đồng</p>				
<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Số tiền</b>
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	4.521.386.553
2	Kết chuyển chi phí quản lý DN	911	642	381.066.271
	<b>Cộng</b>			<b>4.902.452.824</b>
<b>Người lập</b> Phạm Thị Nga		<b>KT trưởng</b> Trần Thị Hậu		

(Nguồn: Phòng kế toán- Công ty TNHH TM & DVKT Hoàng Gia)

**Biểu số 28: Phiếu kế toán số 06/12.**

<b>Đơn vị: Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia</b> <b>Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP</b> <b>PHIẾU KẾ TOÁN</b> Ngày 31 tháng 12 năm 2012 Số: 06/12 <p style="text-align: right;">ĐVT: Đồng</p>				
<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Số tiền</b>
1	Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung	8211	3334	1.800.375
	<b>Cộng</b>			<b>1.800.375</b>
<b>Người lập</b> Phạm Thị Nga		<b>KT trưởng</b> Trần Thị Hậu		

**Biểu số 29: Phiếu kế toán số 07/12**

<b>Đơn vị: Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia</b> <b>Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP</b> <b>PHIẾU KẾ TOÁN</b> Ngày 31 tháng 12 năm 2012 Số: 07/12 <p style="text-align: right;">ĐVT: Đồng</p>				
<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Số tiền</b>
1	Kết chuyển thuế thu nhập DN	911	8211	17.976.873
	<b>Cộng</b>			<b>17.976.873</b>
<b>Người lập</b> Phạm Thị Nga		<b>KT trưởng</b> Trần Thị Hậu		

(Nguồn: Phòng kế toán- Công ty TNHH TM & DVKT Hoàng Gia)



**Biểu số 30: Phiếu kế toán số 08/12.**

<b>Đơn vị: Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia</b> <b>Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP</b> <b>PHIẾU KẾ TOÁN</b> Ngày 31 tháng 12 năm 2012 Số: 08/12 <p style="text-align: right;">ĐVT: Đồng</p>				
<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Số tiền</b>
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	4212	84.748.114
	<b>Cộng</b>			<b>84.748.114</b>
<b>Người lập</b> Phạm Thị Nga		<b>KT trưởng</b> Trần Thị Hậu		

(Nguồn: Phòng kế toán- Công ty TNHH TM & DVKT Hoàng Gia)



**Biểu số 32: Trích Sổ Cái tài khoản 911.**

<b>Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM &amp; DVKT HOÀNG GIA</b>		<b>Mẫu số: S03b- DN</b>						
<b>Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- Lê Chân- HP</b>		<b>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)</b>						
<b>SỔ CÁI</b>								
(Hình thức NKC)								
Năm	2012							
Tên TK	Xác định kết quả kinh doanh							
Số hiệu	911							
ĐVT: Đồng								
NT GS	CT		Diễn giải	NK		TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<b>SĐDK</b>					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 04/12	31/12	K/c DTBH và CCDV			511		5.003.176.659
31/12	PKT 04/12	31/12	K/c DTHĐTC			515		2.001.152
31/12	PKT 05/12	31/12	K/c GVHB			632	4.521.386.553	
31/12	PKT 05/12	31/12	K/c CPQLDN			642	381.066.271	
31/12	PKT 07/12	31/12	K/c TTNDN			8211	17.976.873	
31/12	PKT 08/12	31/12	K/c LNST			4212	84.748.114	
			<b>Cộng SPS</b>				<b>5.092.270.924</b>	<b>5.092.270.924</b>
			<b>SDCK</b>					
				Ngày 31 tháng 12 năm 2012				
<b>Người ghi sổ</b>	<b>KT Trưởng</b>		<b>Giám đốc</b>					
Phạm Thị Nga	Trần Thị Hậu		Vũ Xuân Phúc					

### Biểu số 33: Trích Sổ Cái tài khoản 821.

<b>Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM &amp; DVKT HOÀNG GIA</b>		<b>Mẫu số: S03b- DN</b>							
<b>Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- Lê Chân- HP</b>		(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)							
<p><b>SỔ CÁI</b> (Hình thức NKC)</p> <p>Năm 2012</p> <p>Tên TK Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp.</p> <p>Số hiệu 821</p> <p style="text-align: right;">ĐVT: Đồng</p>									
NT GS	CT		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số tiền		
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có	
			<b>SĐĐK</b>						
...	...	...	...	...	...	...	...	...	
31/12	PKT 06/12	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp bổ sung			3334	1.800.375		
31/12	PKT 07/12	31/12	K/c TTNDN			911		17.976.873	
			<b>Cộng SPS</b>				<b>17.976.873</b>	<b>17.976.873</b>	
			<b>SĐCK</b>						
<p><b>Người ghi sổ</b> Phạm Thị Nga</p>				<p><b>KT Trưởng</b> Trần Thị Hậu</p>		<p style="text-align: right;">Ngày 31 tháng 12 năm 2012</p> <p style="text-align: right;"><b>Giám đốc</b> Vũ Xuân Phúc</p>			

### Biểu số 34: Trích Sổ Cái tài khoản 421.

<b>Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM &amp; DVKT HOÀNG GIA</b>		<b>Mẫu số: S03b- DN</b>						
<b>Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- Lê Chân- HP</b>		<b>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)</b>						
<b>SỔ CÁI</b>								
(Hình thức NKC)								
Năm		2012						
Tên TK		Lợi nhuận chưa phân phối						
Số hiệu		421						
ĐVT: Đồng								
NT GS	CT		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<b>SDĐK</b>					<b><u>154.892.477</u></b>
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 08/12	31/12	K/c LNST			911		84.748.114
			<b>Cộng SPS</b>				<b>87.093.113</b>	<b>171.841.227</b>
			<b>SDCK</b>					<b><u>239.640.591</u></b>
				Ngày 31 tháng 12 năm 2012				
<b>Người ghi sổ</b>		<b>KT Trưởng</b>		<b>Giám đốc</b>				
Phạm Thị Nga		Trần Thị Hậu		Vũ Xuân Phúc				

**Biểu số 35: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2012.**

<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH</b>				
NĂM 2012				
			ĐVT:	Đồng
Chỉ tiêu	Mã số	TM	2012	2011
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu BH & CCDV	01	VI.25	5.003.176.659	4.557.867.903
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		5.003.176.659	4.557.867.903
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	4.521.386.553	4.059.465.780
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		481.790.106	498.402.123
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	2.001.152	1.652.085
7. Chi phí tài chính	22	VI.28		
- Trong đó chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		381.066.271	293.530.905
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		102.724.987	206.523.303
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		102.724.987	206.523.303
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	17.976.873	51.630.826
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		84.748.114	154.892.477
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Lập, ngày 20 tháng 2 năm 2013

**Người lập biểu**

Phạm Thị Nga

**KT trưởng**

Trần Thị Hậu

**Giám đốc**

Vũ Xuân Phúc

(Nguồn: Phòng kế toán- Công ty TNHH TM & DVKT Hoàng Gia)

### **CHƯƠNG 3: ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ CHI PHÍ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HOÀNG GIA.**

#### **3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM VÀ DVKT HOÀNG GIA.**

Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia là một doanh nghiệp vừa và nhỏ, tuy còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong công việc kinh doanh; nhưng trong những năm qua công ty đã từng bước ổn định, phát triển và đi lên, mở rộng kinh doanh, tạo uy tín với khách hàng, đóng góp một phần không nhỏ vào sự phát triển chung của nền kinh tế, tạo công ăn, việc làm cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu ở Công ty về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, cùng với sự chỉ bảo, hướng dẫn tận tình của các anh chị nhân viên trong công ty, đặc biệt là phòng kế toán đã tạo điều kiện cho em được thực tập, làm quen với thực tế, củng cố thêm kiến thức mà em có được từ ghế giảng đường. Qua đây, em cũng xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét, đóng góp về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia.

##### ***3.1.1. Ưu điểm.***

###### ***3.1.1.1. Về tổ chức kế toán.***

Công ty tổ chức kế toán theo mô hình tập trung phù hợp với quy mô kinh doanh, yêu cầu quản lý của Công ty. Hình thức này gọn nhẹ, đảm bảo công tác kế toán được thực hiện một cách thống nhất, thuận tiện cho việc

kiểm tra, giám sát của Ban Giám đốc công ty. Việc tổ chức công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng được thực hiện theo một trình tự có tính thống nhất cao, việc tập hợp số liệu một cách chính xác. Qua đó, Ban Giám đốc có thể nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh của công ty, từ đó đưa ra các quyết định, chiến lược kinh doanh phù hợp, đúng đắn trong các kỳ kinh doanh tiếp theo.

Đội ngũ kế toán có trình độ cao, có kinh nghiệm gồm một kế toán trưởng và một kế toán viên có thể hỗ trợ, giúp đỡ nhau tạo thành một khối thống nhất đảm bảo công tác kế toán được thực hiện nhịp nhàng và hiệu quả cao.

#### *3.1.1.2. Về hình thức kế toán.*

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Hình thức này đơn giản về quy trình hạch toán và số lượng sổ sách, phù hợp với quy mô, đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ quản lý của kế toán viên cũng như Ban giám đốc. Tất cả các nghiệp vụ phát sinh đều được ghi vào Sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Do đó mọi thông tin kế toán đều được cập nhật thường xuyên và đầy đủ, dễ dàng theo dõi mọi hoạt động, kịp thời phát hiện và sửa chữa sai sót.

#### *3.1.1.3. Về hệ thống sổ, chứng từ kế toán.*

Công ty áp dụng đúng mẫu báo cáo kế toán do Bộ tài chính quy định theo quyết định 15/2006/QĐ- BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành ngày 20/3/2006.

#### *3.1.1.4. Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.*

**Về kế toán doanh thu:** Trong kỳ khi phát sinh các nghiệp vụ về bán hàng đều được kế toán ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu. Từ đó giúp cho kết quả kinh doanh được



xác định một cách hợp lý, đúng thời điểm, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho Ban giám đốc.

**Về kế toán chi phí:** Mọi chi phí phát sinh trong kỳ kinh doanh đều được ghi nhận kịp thời, quản lý tốt đảm bảo tính hợp lý và cần thiết.

**Về xác định kết quả kinh doanh:** Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh ở công ty được thực hiện tương đối tốt, phần nào đáp ứng yêu cầu của nhà quản lý về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác, đầy đủ về tình hình kinh doanh của công ty. Việc ghi chép dựa vào Chế độ kế toán và tình hình thực tế tại công ty.

### ***3.1.2. Tồn tại cần khắc phục.***

Ngoài những ưu điểm kể trên, công tác kế toán tại công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế.

#### ***3.1.2.1. Về việc hạch toán doanh thu, chi phí***

Doanh thu của công ty được cấu thành từ doanh thu bán hàng và doanh thu do cung cấp dịch vụ, nhưng công ty chưa tách biệt giữa hai loại doanh thu này; gây khó khăn trong việc quản lý, phân tích để thấy rõ đóng góp, ảnh hưởng của từng loại doanh thu trong tổng doanh thu.

Công ty sử dụng QĐ 15/2006 QĐ- BTC cho việc hạch toán, ghi chép các nghiệp vụ kế toán. Theo QĐ 15/2006 QĐ – BTC, Công ty sẽ phải tách biệt giữa chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, nhưng công ty chỉ sử dụng chung một tài khoản là tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp để phản ánh cả hai loại chi phí này.

Cùng với việc tăng doanh thu trong năm 2012, thì các khoản chi phí phát sinh tại công ty cũng tăng khá cao làm cho lợi nhuận giảm. Ta cần phân tích để thấy rõ ảnh hưởng của từng loại chi phí đến lợi nhuận.

### *3.1.2.2. Về việc áp dụng chính sách ưu đãi.*

Hiện nay, Công ty chưa áp dụng các chính sách ưu đãi cho khách hàng. Việc không áp dụng các chính sách ưu đãi trong chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp phần nào làm giảm số lượng khách hàng đến với công ty, giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

### *3.1.2.3. Về việc tổ chức hệ thống sổ kế toán.*

Khi hạch toán về doanh thu, chi phí công ty chỉ mở Sổ Nhật ký chung và Sổ Cái chứ không mở sổ theo dõi chi tiết cho các tài khoản như doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán.

Điều này gây khó khăn trong việc theo dõi, quản lý chi phí, kiểm tra và đối chiếu sổ sách kế toán.

### *3.1.2.4. Về việc quản lý quỹ tiền mặt.*

Hiện tại việc quản lý tiền mặt tại công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia còn một số hạn chế:

- Khoản tiền mặt tại quỹ của công ty là khá nhiều, số dư cuối kỳ tài khoản 111 là khá lớn..
- Việc để tiền mặt nhiều tại công ty là thiếu an toàn, công ty có thể sẽ gặp rủi ro trong những trường hợp bất khả kháng như cháy nổ, thiên tai; kích thích lòng tham của nhân viên, gây thất thoát cho công ty.

## **3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HOÀNG GIA.**

### ***3.2.1. Tính cấp thiết của việc hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia.***

Trong nền kinh tế, bất cứ doanh nghiệp nào khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh đều mong muốn đạt hiệu quả kinh doanh cao. Các công ty cần đưa ra những quyết định nâng cao doanh thu, giảm chi phí nhằm mục đích tối đa hoá lợi nhuận. Để đạt được điều đó, Ban lãnh đạo doanh nghiệp cần phải có những quyết định, chính sách kinh doanh hợp lý, nhằm cân đối giữa doanh thu và chi phí. Chính những thông tin kế toán tài chính mà kế toán cung cấp là một trong những cơ sở quan trọng để Ban lãnh đạo có thể đưa ra được những quyết định đó. Những thông tin này cần phải chính xác, kịp thời và đầy đủ, từ đó mới có thể có ích cho Nhà quản lý.

Để có thể đảm bảo vai trò của mình, công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng ở mỗi doanh nghiệp cần không ngừng hoàn thiện, nâng cao hiệu quả. Tại công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia, mặc dù đã có những ưu điểm nhất định nhưng cũng không tránh khỏi một số hạn chế. Vì thế việc hoàn thiện tổ chức công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty là rất cần thiết. Thêm vào đó, Công ty Hoàng Gia được thành lập chưa lâu, việc hoàn thiện này càng có ý nghĩa quan trọng hơn, điều này sẽ giúp Công ty hạch toán chi tiết hơn các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ, đồng thời lập đầy đủ sổ sách kế toán, tăng cường quản lý chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Qua đó cung cấp kịp thời các thông tin cho Ban lãnh đạo Công ty cũng như các đối tượng liên quan.

### ***3.2.2. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh tại Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia.***

#### ***3.2.2.1. Về việc hạch toán doanh thu, chi phí.***

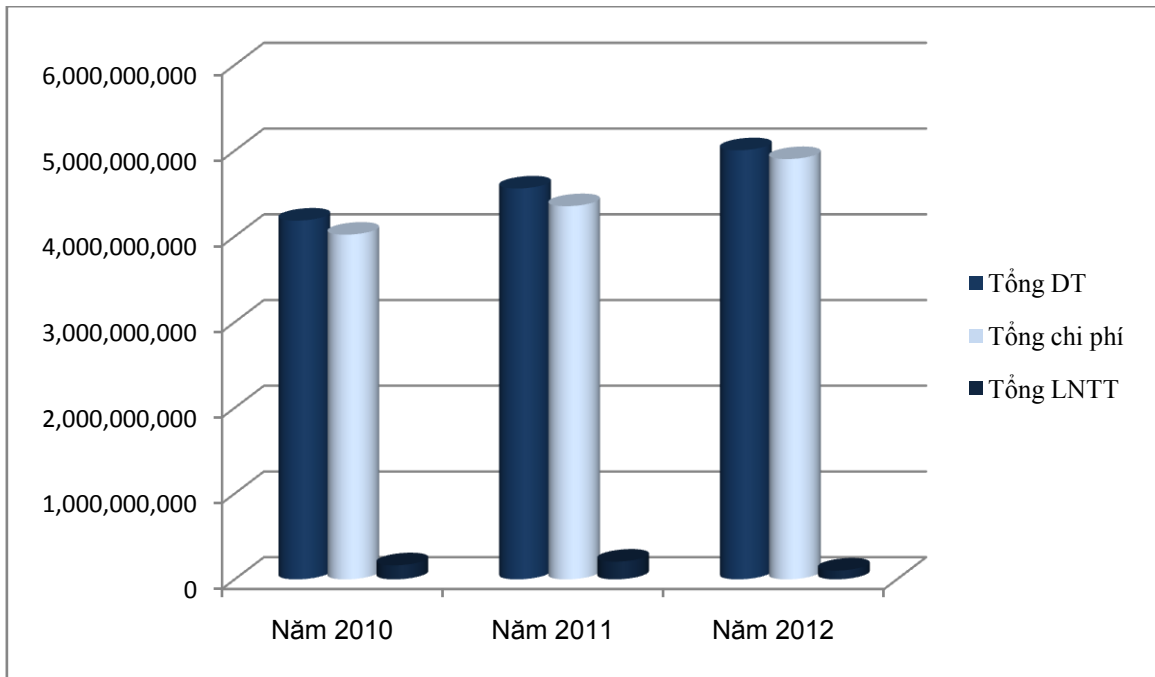
➤ So sánh các chỉ tiêu doanh thu, chi phí của công ty trong giai đoạn 2010 -2012.

❖ So sánh doanh thu, chi phí, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giai đoạn 2010 -2012.

**Biểu số 36: Bảng phân tích doanh thu, chi phí, tổng lợi nhuận trước thuế qua các năm 2010- 2012**

**ĐVT: Đồng**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Chênh lệch năm 2011- 2010		Chênh lệch năm 2012- 2011	
					Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
1	Tổng DT	4.184.916.241	4.559.519.988	5.005.177.811	374.603.747	8,95%	445.657.823	9,17%
2	Tổng chi phí	4.020.710.764	4.352.996.685	4.902.452.824	332.285.921	8,26%	549.456.139	12,62%
3	Tổng LNTT	164.205.477	206.523.303	102.724.987	42.317.826	25,77%	-103.798.316	-50,26%



**Biểu đồ số 1: Biểu đồ so sánh giữa doanh thu, chi phí và tổng lợi nhuận trước thuế giai đoạn 2010-2012.**

**Nhận xét:**

Dựa vào biểu đồ trên, ta có nhận xét chung về kết quả hoạt động kinh doanh của công ty có xu hướng tăng dần qua các năm. Tuy nhiên, để đưa ra các kết luận cụ thể, ta đi vào phân tích chi tiết:

- Giai đoạn năm 2010 -2011:

Trong giai đoạn này, doanh thu tăng 374.603.747 đồng, tương ứng 8,95%. Trong khi chi phí tăng 332.285.921 đồng, tương ứng 8,26 % dẫn đến tổng lợi nhuận trước thuế tăng 42.317.826 đồng tương ứng 25,77 %. Như vậy, tốc độ tăng của chi phí gần bằng tốc độ tăng của doanh thu.

- Giai đoạn năm 2011- 2012:

Trong giai đoạn này, doanh thu tăng 445.657.823 đồng, tương ứng 9,17 %. Chi phí tăng 549.456.139 đồng tương ứng 12,62 %. Mức tăng của chi phí cao hơn mức tăng của doanh thu, làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 103.798.316 đồng tương ứng giảm 50,26 %.

Qua bảng phân tích ta thấy, doanh thu tăng cao qua các năm, song tốc độ tăng của chi phí cũng tăng cao khiến cho lợi nhuận trước thuế năm 2012 bị giảm cả về số tiền và tỷ lệ. Điều đó cho thấy, công ty chưa có biện pháp quản lý hợp lý trong việc cân bằng giữa doanh thu và chi phí.

❖ **So sánh tỷ trọng các nhân tố chi phí năm 2012.**

**Biểu số 37: Bảng phân tích kết quả kinh doanh qua các năm 2010- 2012**

**ĐVT: Đồng**

Chỉ tiêu	Mã số	TM	2010	2011	2012	Chênh lệch năm 2011 -2010		Chênh lệch năm 2012- 2011	
						Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
<b>1. DT BH &amp; CCDV</b>	<b>1</b>	<b>VI.25</b>	<b>4.183.675.583</b>	<b>4.557.867.903</b>	<b>5.003.176.659</b>	<b>374.192.320</b>	<b>8,94%</b>	<b>445.308.756</b>	<b>9,77%</b>
2. CKGTDT	2								
<b>3. DTT về BH và CCDV</b>	<b>10</b>		<b>4.183.675.583</b>	<b>4.557.867.903</b>	<b>5.003.176.659</b>	<b>374.192.320</b>	<b>8,94%</b>	<b>445.308.756</b>	<b>9,77%</b>
<b>4. GVHB</b>	<b>11</b>	<b>VI.27</b>	<b>3.734.889.372</b>	<b>4.059.465.780</b>	<b>4.521.386.553</b>	<b>324.576.408</b>	<b>8,69%</b>	<b>461.920.773</b>	<b>11,38%</b>
<b>5. LN gộp về BH và CCDV</b>	<b>20</b>		<b>448.786.211</b>	<b>498.402.123</b>	<b>481.790.106</b>	<b>49.615.912</b>	<b>11,06%</b>	<b>-16.612.017</b>	<b>-3,33%</b>
6. DTHĐTC	21	VI.26	1.240.658	1.652.085	2.001.152	411.427	33,16%	349.067	21,13%
7. CPTC	22	VI.28							
- Trong đó chi phí lãi vay	23								
8. CPBH	24								
<b>9. CPQLDN</b>	<b>25</b>		<b>285.821.392</b>	<b>293.530.905</b>	<b>381.066.271</b>	<b>7.709.513</b>	<b>2,70%</b>	<b>87.535.366</b>	<b>29,82%</b>
<b>10.LNT từ HĐKD</b>	<b>30</b>		<b>164.205.477</b>	<b>206.523.303</b>	<b>102.724.987</b>	<b>42.317.826</b>	<b>25,77%</b>	<b>-103.798.316</b>	<b>-50,26%</b>
11. Thu nhập khác	31								
12. Chi phí khác	32								
13. Lợi nhuận khác	40								
<b>14.Tổng LNKTTT</b>	<b>50</b>		<b>164.205.477</b>	<b>206.523.303</b>	<b>102.724.987</b>	<b>42.317.826</b>	<b>25,77%</b>	<b>-103.798.316</b>	<b>-50,26%</b>
15.CP thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	41.051.369	51.630.826	17.976.873	10.579.457	25,77%	-33.653.953	-65,18%
16.CP thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30							
17. LN sau thuế TNDN	60		123.154.108	154.892.477	84.748.114	31.738.370	25,77%	-70.144.363	-45,29%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70								

➤ **Giải pháp khắc phục.**

❖ Đối với doanh thu:

Doanh thu của công ty được cấu thành từ 2 nguồn là doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ; nhưng tại công ty 2 loại doanh thu này vẫn được ghi chung vào cùng 1 tài khoản cấp 1 của tài khoản 511; do đó khi hạch toán doanh thu, kế toán công ty nên sử dụng tài khoản cấp 2 của tài khoản 511 là :

- TK 5111- Doanh thu bán hàng hoá.
- TK 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ.

❖ Đối với giá vốn hàng bán:

Công ty nên tìm nguồn cung cấp hàng hoá đầu vào có chất lượng tốt, ổn định, giá cả hợp lý.

- Tiết kiệm chi phí mua hàng: chi phí vận chuyển, bốc dỡ...
- Tuỳ theo biến động giá cả của thị trường mà nhập hàng với số lượng nhiều hay ít.
- Thương thảo, đàm phán với nhà cung cấp nhằm có được mức giá hợp lý nhất.
- Tìm kiếm thêm những nhà cung cấp mới; có giá cả, chất lượng cạnh tranh.

❖ Đối với việc quản lý chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Hiện tại, công ty đang hạch toán tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng và quản lý doanh nghiệp vào chung một TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp bằng cách sử dụng hai TK cấp 2 của TK 642 là :



- TK 6421- Chi phí bán hàng.
- TK 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Việc công ty sử dụng QĐ 15/ QĐ- BTC nhưng lại không sử dụng TK 641 để hạch toán chi phí bán hàng mà sử dụng TK 6421 là chưa đúng với QĐ 15; như vậy công ty nên:

- Sử dụng riêng Tk 641 để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến chi phí bán hàng.
- Hoặc chuyển sang sử dụng QĐ 48/QĐ-BTC áp dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ để sử dụng hạch toán các chi phí bán hàng vào TK 6421.

### *3.2.2.2. Về việc áp dụng chính sách ưu đãi.*

Trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay, việc tồn tại và phát triển là vấn đề sống còn của mỗi doanh nghiệp. Để làm được điều này, các doanh nghiệp cần cạnh tranh với nhau nhằm thu hút khách hàng. Việc công ty không áp dụng các chính sách ưu đãi trong bán hàng sẽ phần nào làm giảm lượng khách hàng đến với công ty, góp phần làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Vì vậy để tạo ra lợi thế cạnh tranh, có thể thu hút thêm các khách hàng mới, mở rộng thị trường tiêu thụ mà vẫn giữ được khách hàng cũ nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận; công ty nên áp dụng các chính sách ưu đãi phù hợp với tình hình hiện có của công ty.

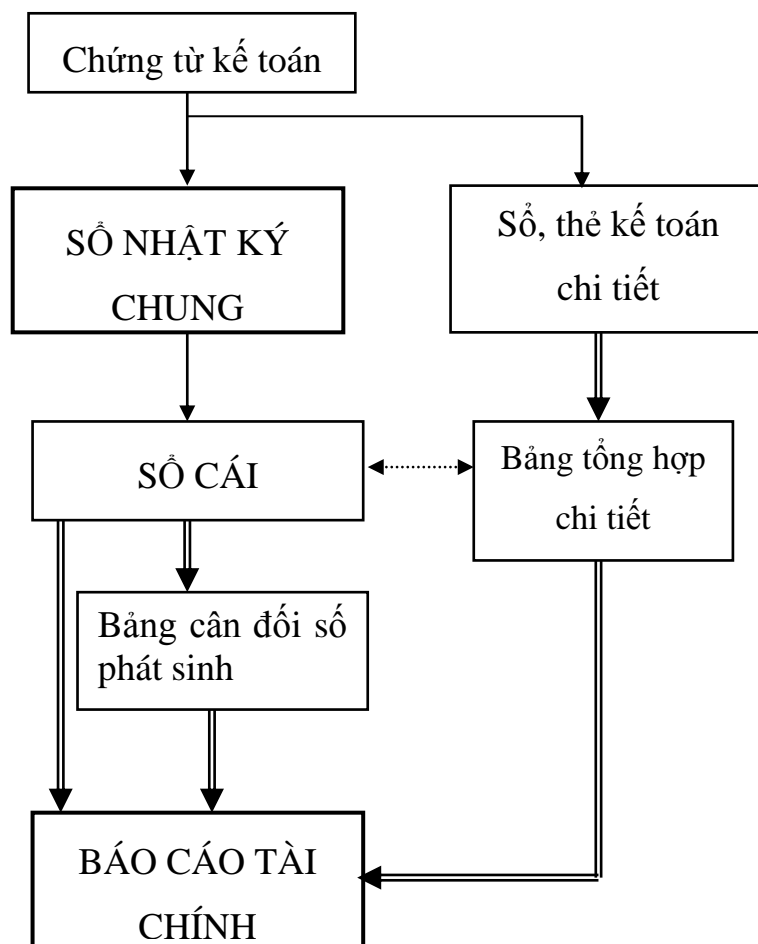
Em xin được đưa ra một số giải pháp sau:

- Công ty có thể tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho khách hàng trong quá trình vận hành máy.
- Công ty nên có những chính sách bảo hành hàng hoá sau khi bán.

### *3.2.2.3. Về việc tổ chức hệ thống sổ kế toán.*

Hệ thống sổ kế toán tại mỗi công ty đều có vai trò rất quan trọng. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty chỉ thực sự có hiệu quả khi có một hệ thống sổ kế toán phù hợp với quy trình kinh doanh tại công ty. Một hệ thống sổ kế toán hoàn thiện phải bao gồm hệ thống các sổ chi tiết và tổng hợp. Tuy nhiên tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Hoàng Gia, khi hạch toán kế toán chỉ sử dụng Sổ Nhật ký chung và Sổ Cái; để hoàn thiện hơn hệ thống sổ kế toán em nhận thấy nên lập các sổ chi tiết doanh thu, chi phí để tiện theo dõi các khoản doanh thu, chi phí, đồng thời góp phần nắm được tình hình kinh doanh của từng lĩnh vực kinh doanh, tiêu thụ của từng loại hàng hoá của công ty. Từ đó, giúp Ban lãnh đạo công ty có những giải pháp quản lý chi phí một cách hiệu quả hơn.

Sơ đồ minh họa khi lập sổ chi tiết:



Ghi chú: Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, định kỳ



Đối chiếu, kiểm tra



❖ Đối với doanh thu.

Công ty nên lập các sổ chi tiết doanh thu chi tiết theo lĩnh vực kinh doanh, từng mặt hàng tiêu thụ. Có như vậy thì công ty mới nắm được tình hình kinh doanh của từng lĩnh vực, của từng mặt hàng.

Bên cạnh lập sổ chi tiết bán hàng, công ty cũng cần lập Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu. Cuối kỳ, kế toán sẽ tiến hành tổng hợp số liệu từ các Sổ chi tiết doanh thu và Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu. Sau đó kế toán đối chiếu

số liệu trên Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu với số liệu trên Sổ Cái TK 511 xem số liệu có chính xác không. Việc lập các sổ này giúp cho công tác kế toán doanh thu được cụ thể, chi tiết theo từng lĩnh vực kinh doanh, và chặt chẽ hơn.

**Ví dụ minh họa.**

- Lĩnh vực thương mại.

**Ví dụ: Ngày 10/12 bán 1 máy biến tần INVT CHV 180 cho công ty TNHH TM Phúc Lợi, giá bán cả thuế GTGT (10%) là 17.500.000 đồng; thanh toán bằng tiền mặt. HĐ số 0001318.**

Căn cứ vào HĐ số 0001318, kế toán ghi sổ chi tiết doanh thu.

**Biểu số 38: Sổ chi tiết doanh thu (máy biến tần INVT CHV 180).**

<b>Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM &amp; DVKT HOÀNG GIA</b>							
<b>Địa chỉ: 60 – Nguyễn Văn Linh- LC- HP</b>							
<b>SỔ CHI TIẾT DOANH THU</b>							
		Năm	2012				
		Tên sản phẩm	MBT INVT CHV 180				
		Tài khoản	5111				
					ĐVT	Đồng	
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu		
	SH	NT			SL	ĐG	TT
...	...	...	...	...	...	...	...
10/12	HD 0001318	10/12	Xuất bán	111	1	15.909.091	15.909.091
...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2012							
<b>Người ghi sổ</b>		<b>KT trưởng</b>		<b>Giám đốc</b>			
Phạm Thị Nga		Trần Thị Hậu		Vũ Xuân Phúc			

- Lĩnh vực dịch vụ.

**Ví dụ: Ngày 15/12/2012 nhân viên công ty đến sửa máy biến tần cho công ty TNHH SX và TM Việt Long, khách hàng thanh toán bằng tiền mặt; chi phí sửa chữa hết 1.150.000 đồng (giá chưa thuế GTGT 10%); trong đó tiền phí dịch vụ là 500.000 đồng và giá bán 1 thiết bị LCD keypad là 650.000 đồng. HD số 0001323.**

**Biểu số 39: Sổ chi tiết doanh thu.**

<b>Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM &amp; DVKT HOÀNG GIA</b>							
<b>Địa chỉ: 60 – Nguyễn Văn Linh- LC- HP</b>							
<b>SỔ CHI TIẾT DOANH THU</b>							
		Lĩnh vực	Dịch vụ				
		Năm	2012				
		Tài khoản	5113				
					ĐVT	Đồng	
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu		
	SH	NT			SL	ĐG	TT
...	...	...	...	...	...	...	...
15/12	HĐ 0001323	15/12	Thay thế 1 LCD keypad	111	1	650.000	650.000
			Chi phí dịch vụ	111		500.000	500.000
...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2012							
<b>Người ghi sổ</b>		<b>KT trưởng</b>			<b>Giám đốc</b>		
Phạm Thị Nga		Trần Thị Hậu			Vũ Xuân Phúc		

❖ Đối với chi phí.

Hiện tại công ty chỉ lập chung một Sổ Cái cho TK 632 ở cả hai lĩnh vực là thương mại và cung cấp dịch vụ, như vậy sẽ khó theo dõi chi tiết được chi phí giá vốn hàng bán của từng lĩnh vực kinh doanh; vậy nên công ty nên sử dụng thêm sổ chi tiết giá vốn hàng bán cho từng lĩnh vực.

**Ví dụ minh họa**

- Lĩnh vực thương mại

**Ví dụ: 13/12/2012, bán 1 máy biến tần INVT CHF 100A cho công ty TNHH cơ khí Việt Nhật, khách hàng chưa thanh toán; giá bán cả thuế GTGT 10% là 36.800.000 đồng. Giá vốn là 29.023.128 đồng. HĐ số 0001322. Phiếu xuất kho số 10/12.**

**Biểu số 40: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán lĩnh vực thương mại.**

<b>Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM &amp; DVKT HOÀNG GIA</b>							
<b>Địa chỉ: 60 – Nguyễn Văn Linh- LC- HP</b>							
<b>SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>							
		Lĩnh vực		Thương mại			
		Năm		2012			
		Tên sản phẩm		MBT INVT CHF 100A			
				ĐVT		Đồng	
NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Giá vốn hàng bán		
	SH	NT			SL	ĐG	TT
...	...	...	...	...	...	...	...
13/12	PX 10/12	13/12	Bán hàng chưa thu tiền	156	1	29.023.128	29.023.128
...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2012							
<b>Người ghi sổ</b>		<b>KT trưởng</b>		<b>Giám đốc</b>			
Phạm Thị Nga		Trần Thị Hậu		Vũ Xuân Phúc			

- Lĩnh vực dịch vụ.

Ví dụ: Ngày 15/12/2012 nhân viên công ty đến sửa máy biến tần cho công ty TNHH SX và TM Việt Long, khách hàng thanh toán bằng tiền mặt; chi phí sửa chữa hết 1.150.000 đ (giá chưa thuế GTGT 10%); trong đó tiền phí dịch vụ là 500.000 và giá bán 1 thiết bị LCD keypad là 650.000. HĐ số 0001323.

Biết rằng giá vốn của LCD keypad là 375.000 đồng.

**Biểu số 41: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán lĩnh vực dịch vụ**

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA							
Địa chỉ: 60 – Nguyễn Văn Linh- LC- HP							
SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN							
		Năm		2012			
		Lĩnh vực		Dịch vụ			
						ĐVT	Đồng
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Giá vốn hàng bán		
	SH	NT			SL	ĐG	TT
...	...	...	...	...	...	...	...
15/12	PX 13/12	15/12	Thay thế 1 LCD keypad	156	1	375.000	375.000
...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng</b>				
					Ngày 31 tháng 12 năm 2012		
<b>Người ghi sổ</b>		<b>KT trưởng</b>		<b>Giám đốc</b>			
Phạm Thị Nga		Trần Thị Hậu		Vũ Xuân Phúc			



#### *3.2.2.4. Về việc quản lý quỹ tiền mặt.*

Từ những hạn chế đã chỉ ra ở trên, em xin khuyến nghị công ty nên xây dựng quy định quản lý quỹ tiền mặt vào quy chế tài chính của công ty; công ty chỉ nên để một số tiền mặt nhất định tại quỹ để phục vụ hoạt động kinh doanh tại công ty; số tiền còn lại công ty nên gửi vào ngân hàng; điều này sẽ đem lại lợi ích cho công ty:

- Hạn chế rủi ro, thất thoát, mất cắp cho công ty.
- Tăng thêm doanh thu hoạt động tài chính, tạo thêm nguồn thu cho công ty; giúp đồng tiền sinh lời.

## KẾT LUẬN

Đề tài đã hệ thống hoá được lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Đề tài đã mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia theo chế độ kế toán ban hàng theo quyết định 15/QĐ- BTC ban hành ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính; từ đó ta thấy được một số ưu điểm trong công tác kế toán tại công ty:

- ❖ Về kế toán doanh thu: Trong kỳ, các nghiệp vụ về bán hàng đều được ghi nhận doanh thu đầy đủ, chính xác và kịp thời, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.
- ❖ Về kế toán chi phí: Mọi chi phí phát sinh đều được ghi nhận kịp thời, hợp lý.
- ❖ Về kế toán xác định kết quả kinh doanh: Kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo công ty.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm kể trên, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục:

- ❖ Về việc hạch toán chi phí: Việc quản lý chi phí trong năm 2012 còn chưa tốt, chi phí năm 2012 còn tăng khá cao.
- ❖ Về việc áp dụng chính sách ưu đãi: Hiện tại công ty chưa áp dụng các chính sách ưu đãi đối với khách hàng, góp phần làm giảm số lượng khách hàng đến với công ty.
- ❖ Về việc hoàn thiện hệ thống sổ kế toán: Công ty chỉ hạch toán các nghiệp vụ kinh tế vào Sổ Nhật ký chung và Sổ Cái, chưa theo dõi chi tiết được doanh thu và giá vốn của từng lĩnh vực kinh doanh của công ty.

- ❖ Về việc áp dụng kỹ thuật vào công tác kế toán: Hiện việc ghi chép của kế toán còn thủ công, dễ gây nhầm lẫn, kém hiệu quả.

Đề tài đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh tại công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia:

- ❖ Về việc hạch toán chi phí: Đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường quản lý giá vốn hàng bán.
- ❖ Về việc áp dụng chính sách ưu đãi: Công ty nên áp dụng các chính sách ưu đãi phù hợp để tăng cường tính cạnh tranh, thu hút thêm những khách hàng mới.
- ❖ Về việc hoàn thiện hệ thống sổ kế toán: Công ty nên mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu, chi phí theo từng lĩnh vực kinh doanh; đồng thời nắm được ảnh hưởng, đóng góp của từng doanh thu, giá vốn của từng lĩnh vực kinh doanh đến lợi nhuận chung của công ty.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp – Bộ tài chính.
  - Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán- Nhà xuất bản Giao thông vận tải (Năm 2010).
  - Quyển 2: Chứng từ và sổ kế toán, Báo cáo tài chính, sơ đồ kế toán – Nhà xuất bản Thống kê (Năm 2009).
2. Quyết định 15 của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành ngày 20/3/2006.
3. Tài liệu, sổ kế toán năm 2012 của Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia.